|  |  |
| --- | --- |
| BỘ Y TẾ  **BỆNH VIỆN BẠCH MAI**  Số: /BM-QLDAĐT&ĐT  V/v mời chào giá dịch vụ Diệt muỗi và côn trùng năm 2024-2026 (lần 2) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2024* |

**YÊU CẦU BÁO GIÁ**

Kính gửi: Các nhà thầu cung cấp dịch vụ Diệt muỗi và côn trùng

Bệnh viện Bạch Mai có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Chủ trương mua sắm Diệt muỗi và côn trùng năm 2024-2026 của Bệnh viện Bạch Mai. Nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Bạch Mai

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá Văn phòng Bệnh viện Bạch Mai, SĐT: 0243.8686390

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại bộ phận Văn thư - Văn phòng Bệnh viện Bạch Mai

Địa chỉ: Bộ phận Văn thư – Văn phòng Bệnh viện – Bệnh viện Bạch Mai, số 78 đường Giải Phóng, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội.

- Nhận qua email: [Vanphongbvbm.vt@bachmai.edu.vn](mailto:Vanphongbvbm.vt@bachmai.edu.vn). Hoặc:

- Nhận qua fax: 0243.8691607

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày tháng năm 2024 đến 17h00 ngày 13 tháng năm 2024.

***Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.***

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu: 180 ngày kể từ ngày tháng 7 năm 2024.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Danh mục dịch vụ: *chi tiết theo phụ lục 01 và phụ lục 02 đính kèm*

2. Địa điểm cung cấp dịch vụ: Bệnh viện Bạch Mai – số 78 đường Giải Phóng, Đống Đa, Hà Nội. Yêu cầu báo giá dịch vụ trọn gói bao gồm cả chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản và toàn bộ các loại thuế, phí liên quan.

3. Thời gian thực hiện dịch vụ dự kiến: 02 năm (24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng)

4. Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng:

- Đồng tiền thanh toán: VND

- Thanh toán:

* Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
* Không áp dụng tạm ứng.
* Thanh toán sau mỗi đợt thực hiện dịch vụ trong vòng 90 ngày kể từ khi hoàn thành dịch vụ và Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ thanh toán.
* Phương thức thanh toán: chuyển khoản.

5. Thành phần và quy cách hồ sơ báo giá

- Bảng giá: Mẫu số 01;

- Bảng đáp ứng yêu cầu mời báo giá: Mẫu số 02;

*(Lưu ý: Nhà thầu đánh màu vào các cấu hình cơ bản yêu cầu và gửi File mềm đáp ứng kỹ thuật vào email hoặc đính kèm USB theo báo giá; các Hợp đồng đã thực hiện trong thời gian 12 tháng hoặc Quyết định trúng thầu trong vòng 12 tháng)*

- Tài liệu kỹ thuật có liên quan (nếu có)

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:** - Như trên; - Lưu: VT, QLDAĐT&ĐT. | **GIÁM ĐỐC**  **Đào Xuân Cơ** |

**PHỤ LỤC**

**CÁC BIỂU MẪU HỒ SƠ BÁO GIÁ**

**Mẫu số 01**

*(Kèm theo Yêu cầu báo giá số ........... /BM-QLDAĐT&ĐT ngày ……. tháng….…..năm 2024)*

**BÁO GIÁ(1)**

**Kính gửi: Bệnh viện Bạch Mai**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Bạch Mai, chúng tôi*….[ghi tên, địa chỉ nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* – Mã số thuế: …….

Báo giá cho các dịch vu như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung dịch vụ** | **Đơn vị** | **Khối lượng** | **Thời gian thực hiện (năm)** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| 1 | Diệt muỗi | m2 | 52.100 | 02 năm |  |  |
| 2 | Diệt chuột | m2 | 99.210 | 02 năm |  |  |
| 3 | Diệt gián | m2 | 35.063 | 02 năm |  |  |
| 4 | Diệt mối | m2 | 200 | 02 năm |  |  |

Nội dung yêu cầu:

|  |  |
| --- | --- |
| BỆNH VIỆN BẠCH MAI  **KHOA KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **--------------------** |

**KẾ HOẠCH**

**DIỆT CÔN TRÙNG TRONG BỆNH VIỆN BẠCH MAI**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

1. **Căn cứ thực hiện**
   * Căn cứ Nghị đinh số 91/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ ban hành quy định về quản lý hoá chất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.
   * Thông tư số 09/2018/TT-BYT ngày 27/4/2018 của Bộ Y tế ban hành Danh mục hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế được xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam
   * Thông tư số 11/2020/TT-BYT ngày 19/6/2020 của Bộ Y tế ban hành Danh mục hoạt chất cấm sử dụng và hạn chế phạm vi sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .

* Thông tư số 19/2022/TT-BNNPTNT ngày 2/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt nam, Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam.

1. **Mục đích**

* Phòng chống bệnh dịch do côn trùng gây ra, tạo môi trường an toàn cho người bệnh, người nhà người bệnh và nhân viên Y tế
* Đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn tài sản cho các đơn vị trong Bệnh viện.

1. **Mục tiêu:**

* 100% các đơn vị được phun muỗi định kỳ 4 tháng/1 lần trong năm 2025.
* 100% các đơn vị được diệt chuột định kỳ 2 lần/1 năm
* 100% các đơn vị được diệt gián Đức, diệt mối khi có yêu cầu (có sự xuất hiện gián Đức và mối tại đơn vị).

1. **Nội dung thực hiện**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung công việc** | **Phạm vi thực hiện** | **Tần xuất thực hiện** | **Yêu cầu về kỹ thuật** |
| 1. | Diệt muỗi | Tất cả các đơn vị và khu vực ngoại cảnh trong Bệnh viên | 3 lần/1 năm (tháng 3, tháng 7 và tháng 12) | * Đơn vị diệt muỗi được công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm * Hoá chất sử dụng có tác dụng diệt muỗi nằm trong Danh mục hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế (Thông tư số 09/2018/TT-BYT ngày 27/4/2018 của Bộ Y tế) * Thiết bị: máy phun sương áp lực cao (sử dụng cho khu vực ngoại cảnh) và máy phun sương bình điện (sử dụng cho khu vực bên trong các phòng)   **Quy trình phun diệt muỗi: ( phụ lục 01)**   * Đại diện đơn vị nhắc nhở nhân viên y tế, người bệnh thu gọn và che chắn đồ đạc tại khu vực phun, bảo quản đồ ăn uống trong hộp kín để tránh văng bắn thuốc khi phun và ra khỏi khu vực khi phun thuốc. * Nhân viên phun thuốc muỗi xác định vị trí phun: * Khu vực trong phòng làm việc, buồng bệnh, hội trường, hành lang: phun vào vách, rèm cửa, gầm giường, bề mặt bàn ghế, giá kệ, bề mặt tường với độ cao từ 1,5 mét xuống nền nhà. * Khu vực ngoại cảnh: phun vào bề mặt tường phía ngoài các tòa nhà, bề mặt tường bao quanh với độ cao từ 1,5 mét xuống mặt đất, bụi cây, bãi cỏ, cống rãnh, nơi để tập trung các thùng/hộp thu gom chất thải. * Nhân viên phun muỗi mang đầy đủ pương tiện PHCN (kính, mũ, khẩu trang, găng tay, quần áo bảo hộ) và pha hoá chất theo đúng nồng độ quy định theo khuyến cáo của nhà sản xuất. * Tiến hành phun thuốc tại các vị trí đã xác định, sử dụng máy phun sương bình điện với các khu vực bên trong các phòng, sử dụng máy phun sương áp lực cao với khu vực ngoại cảnh. * Sử dụng lại buồng phòng sau 1 giờ phun thuốc * Đánh giá hiệu quả sau 1 tuần phun muỗi * Phun bổ sung các vị trí chưa đạt hiệu quả. Kiểm tra và đánh giá lại cho đến khi đạt hiệu quả. * Tiến hành kiểm tra và thực hiện diệt muỗi khi nhận được ý kiến phản ánh từ các đơn vị trong thời gian bảo hành. |
| **2.** | **Diệt chuột** | Tất cả các đơn vị và ngoại cảnh Bệnh viện | - Định kỳ: 2 lần/1 năm (tháng 4 và tháng 10)  - Đột xuất khi có chuột theo yêu cầu của các đơn v | * Thuốc diệt chuột là thuốc nằm trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam (Thông tư số 19/2022/TT-BNNPTNT ngày 2/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn). * **Thiết bị: keo dính chuột, bẫy chuột.**   **Quy trình diệt chuột: (Quy trình 02)**   * Đại diện đơn vị nhắc nhở nhân viên y tế, người bệnh thu dọn đồ dùng cá nhân, bảo quản đồ ăn uống. * Nhân viên diệt chuột mang đầy đủ các phương tiện phòng hộ cá nhân, xác định vị trí rải thuốc diệt chuột: * Góc nhà, khe tủ, gầm bàn ghế trong khu vực phòng làm việc, hội trường, buồng bệnh, hành lang. * Khu vực ngoại cảnh: dọc theo các bờ tường, lối đi khuất người hoặc men theo các bồn cây, bồn hoa, nơi để tập trung các thùng/hộp thu gom chất thải. * Tiến hành rải thuốc diệt chuột * Đánh giá hiệu quả sau 10 ngày diệt chuột. Kiểm tra và thu gom xác chuột * Diệt chuột bổ sung với những đơn vị đánh giá chưa đạt hiệu quả. Kiểm tra và đánh giá lại cho đến khi không còn chuột. * Thực hiện diệt chuột và tìm xác chuột khi nhận được ý kiến phản ánh của các đơn vị trong thời gian bảo hành. |
| 3. | Diệt gián Đức | Các đơn vị trong Bệnh viện | Khi có yêu cầu của các đơn vị | * Khảo sát sự xuất hiện của gián tại các đơn vị, tính toán diện tích khảo sát   **Quy trình diệt gián Đức**: **(Quy trình 03)**   * Hóa chất: Thuốc diệt gián (Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2018/TT-BYT ngày 27/4/2018 của Bộ y tế ) * Nhân viên diệt gián mang phương tiện phòng hộ cá nhân (găng tay, khẩu trang) * Xác định vị trí diệt gián Đức như sau: * Góc nhà, khe tủ, gầm bàn, ghế, giường, tủ, phía trong tủ đồ tại khu vực phòng làmviệc,hội trường, buồng bệnh, kho chứa đồ, nhà vệ sinh... và những nơi có sự xuất hiện của gián mà trước đó đã khảo sát. * Đại diện đơn vị nhắc nhở nhân viên y tế, người bệnh thu dọn đồ dùng cá nhân, bảo quản đồ ăn uống. * Nhân viên diệt gián tiến hành bơm bả diệt gián Đức tại các vị trí đã xác định. * Sau 10 ngày nhân viên khoa KSNK và nhân viên diệt gián tiến hành kiểm tra kết quả. Đặt bả diệt gián bổ sung những vị trí còn gián tần suất 2 ngày/1lần cho đến khi không còn gián. * Tiến hành kiểm tra và thực hiện diệt gián khi nhận được ý kiến phản ánh từ các đơn vị trong thời gian bảo hành. |
| 4. | Diệt mối | Các đơn vị trong Bệnh viện | Khi có yêu cầu của các đơn vị | * Kiểm tra sự xuất hiện của mối, hiện trạng phá hoại của mối tại các vị trí, lập biên bản khảo sát.   **Quy trình diệt mối: (Quy trình 04)**   * Hoá chất: thuốc diệt mối là thuốc nằm trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam (Thông tư số 19/2022/TT-BNNPTNT ngày 2/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn) * Nguyên vật liệu diệt mối: Hộp nhử mối, thuốc diệt mối, hóa chất phòng mối.   ***Các bước thực hiện:***  Bước 1: Đặt hộp nhử mối (cậy nơi có mối, làm ướt hộp nhử mối, sau đó đặt hộp nhử mối cố định tại nơi có đường đi của mối).  Bước 2: Sau khi đặt hộp 10 - 15 ngày, tiến hành kiểm tra, điều chỉnh quá trình đặt hộp nhử sao cho lượng mối nhử vảo hộp nhiều nhất.  Bước 3: Rắc thuốc diệt mối sinh học vào hộp nhử mối. Mối sau khi bị dính thuốc chạy về tổ sẽ lây nhiễm toàn bộ quần thể mối và mối chúa trong khu vực.  Bước 4: Sau 3 - 4 ngày thu dọn hộp nhử mối.  Bước 5*:* Phun dung dịch phòng trừ mối lên tường tại các khu vực đã bị mối ăn, nhằm tiêu diệt các ấu trùng và mối còn sót lại. |

**QUY TRÌNH 01**

**QUY TRÌNH DIỆT MUỖI TẠI CÁC ĐƠN VỊ TRONG BỆNH VIỆN**

**1. Mục tiêu:** Quy định thống nhất cách thức triển khai thực hiện phun thuốc diệt muỗi và đánh giá hiệu quả diệt muỗi tại tất cả các đơn vị trong Bệnh viện, để đảm bảo an toàn và phòng chống dịch bệnh do muỗi truyền trong Bệnh viện (BV).

**2. Phạm vi áp dụng:** Tất cả các Viện/Trung tâm/Khoa/phòng và khu vực ngoại cảnh của BV.

**3. Nội dung thực hiện:**

| **TT** | **Các bước thực hiện** | **Trách nhiệm** | **Sản phẩm đầu ra** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Xây dựng kế hoạch diệt muỗi định kỳ hàng năm trình Trưởng khoa KSNK, Ban Giám đốc Bệnh viện phê duyệt | Nhân viên (NV) khoa KSNK | * Kế hoạch diệt muỗi cả năm BGĐ phê duyệt |
| 2 | Thực hiện đấu thầu và trình BGĐ ký hợp đồng dịch vụ diệt muỗi cho cả năm theo kế hoạch đã được phê duyệt | Phòng Thầu  Công ty diệt muỗi | Quyết định phê duyệt lựa chọn đơn vị thực hiện diệt muỗi trong toàn Bệnh viện  Hợp đồng diệt muỗi được BGĐ ký duyệt |
| 3 | Lên lịch diệt muỗi thông báo tới các đơn vị | NV Khoa KSNK | Các đơn vị đã có lịch diệt muỗi (các đơn vị nắm được thời gian phun thuốc diệt muỗi để thông báo cho đơn vị mình) |
| 4 | Thực hiện phun thuốc diệt muỗi (**Phụ lục 1)** | Công ty diệt muỗi  NV Khoa KSNK | Phun thuốc diệt muỗi theo đúng lịch.  Biên bản xác nhận thực hiện có đầy đủ chữ ký các bên sau khi kết thúc công việc **(theo phụ lục 2)** |
| 6 | Đánh giá hiệu quả diệt muỗi sau 1 tuần phun thuốc diệt muỗi tại các đơn vị/địa điểm đã thực hiện | NV Khoa KSNK | Phiếu đánh giá hiệu quả diệt muỗi có xác nhận của Đại diện đơn vị **(theo phụ lục 3)** |
| 7 | Báo cáo tổng kết hiệu quả diệt muỗi theo mỗi đợt thực hiện | NV Khoa KSNK | Báo cáo tổng kết hiệu quả diệt muỗi **(theo phụ lục 4)** |
| 8 | Phun thuốc diệt muỗi bổ sung với những đơn vị đánh giá chưa đạt hiệu quả sau lần diệt đầu tiên (còn muỗi). Kiểm tra và xin ý kiến đánh giá hàng tuần vào phiếu đánh giá *(theo phụ lục 3)* cho đến khi không còn muỗi/yêu cầu phun lại tại đơn vị | NV Khoa KSNK  Công ty diệt muỗi | * Diệt muỗi bổ sung: biên bản xác nhận thực hiện **(theo phụ lục 2)** * Đánh giá hiệu quả: **(theo phụ lục 3)** |
| 9 | Trong thời gian bảo hành của Công ty, tiến hành kiểm tra và thực hiện diệt muỗi khi nhận được ý kiến phản ánh của các đơn vị trên. | NV Khoa KSNK  Công ty diệt muỗi | Biên bản xác nhận thực hiện (nếu có ý kiến phản ánh của các đơn vị) |

**Trưởng khoa**

**Bệnh viện Bạch Mai**

**Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn**

**Phụ lục 1: kỹ thuật phun thuốc diệt muỗi**

1. **Mục tiêu:** để đảm bảo an toàn và phòng chống dịch bệnh do muỗi truyền trong Bệnh viện.
2. **Phạm vi áp dụng:** kỹ thuật diệt muỗi này được áp dụng cho các Viện, Trung tâm, Khoa, phòng và khu vực ngoại cảnh trong bệnh viện.
3. **Nội dung thực hiện**
   1. ***Chuẩn bị phương tiện***

* Thiết bị: máy phun sương áp lực cao và bình phun nén khí.
* Thuốc diệt muỗi: Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2018/TT-BYT ngày 27/4/2018 của Bộ y tế
* Phương tiện phòng hộ cá nhân: mũ, kính bảo hộ, khẩu trang, găng tay, quần áo bảo hộ.

***3.2 Các bước thực hiện***

Bước 1:nhân viên (NV) Khoa KSNK và NV phun thuốc diệt muỗi xác định vị trí phun thuốc muỗi như sau:

* Khu vực trong phòng làm việc, buồng bệnh, hội trường, hành lang: phun vào vách, rèm cửa, gầm giường, bề mặt bàn ghế, giá kế, bề mặt tường với độ cao từ 1,5 mét xuống nền nhà.
* Khu vực ngoại cảnh: phun vào bề mặt tường phía ngoài các tòa nhà, bề mặt tường bao quanh với độ cao từ 1,5 mét xuống mặt đất, bụi cây, bãi cỏ, cống rãnh, nơi để tập trung các thùng/hộp thu gom chất thải.

Bước 2: chuẩn bị trước khi phun thuốc

* Đại diện đơn vị nhắc nhở nhân viên y tế, người bệnh thu gọn và che chắn đồ đạc tại khu vực phun, bảo quản đồ ăn uống trong hộp kín để tránh văng bắn thuốc khi phun và ra khỏi khu vực khi phun thuốc.

- NV phun thuốc muỗi pha hóa chất theo đúng nồng độ quy định.

Bước 3: NV phun thuốc muỗi mang đầy đủ phương tiện phòng hộ cá nhân (mũ, kính bảo hộ, khẩu trang, găng tay, quần áo bảo hộ).

Bước 4:NV phun thuốc muỗi tiến hành phun thuốc tại các vị trí đã xác định, sử dụng hóa chất đã pha và máy phun phù hợp với khu vực được phun, với khu vực ngoại cảnh sử dụng máy phun sương áp lực cao, với khu vực bên trong các phòng làm việc sử dụng bình phun nén khí.

Bước 5:NV vệ sinh và NV phun thuốc muỗi thu gom các tấm vải đã che phủ đồ đạc trước khi phun và vệ sinh bề mặt bị văng bắn thuốc sau khi phun. Sử dụng lại buồng/phòng sau 2 giờ phun thuốc.

**QUY TRÌNH 02**

**QUY TRÌNH DIỆT CHUỘT TẠI CÁC ĐƠN VỊ TRONG BỆNH VIỆN (BV)**

**1. Mục tiêu:** quy định thống nhất cách thức triển khai thực hiện diệt chuột và đánh giá hiệu quả diệt chuột để đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn tài sản của các đơn vị trong toàn BV.

**2. Phạm vi áp dụng:** tất cả các Viện/Trung tâm/Khoa/phòng, khu vực ngoại cảnh của BV.

**3. Nội dung thực hiện:**

| **TT** | **Các bước thực hiện** | **Trách nhiệm** | **Sản phẩm đầu ra** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Xây dựng kế hoạch diệt chuột định kỳ hàng năm trình Trưởng khoa KSNK, Ban Giám đốc Bệnh viện phê duyệt | Nhân viên (NV) Khoa KSNK | * Kế hoạch diệt chuột cả năm BGĐ phê duyệt |
| 2 | Thực hiện đấu thầu và trình BGĐ ký hợp đồng dịch vụ diệt chuột cho cả năm theo kế hoạch đã được phê duyệt | Phòng Thầu  Công ty diệt chuột | Quyết định lựa chọn đơn vị thực hiện diệt chuột trong toàn Bệnh viện  Hợp đồng diệt chuột được BGĐ ký duyệt |
| 3 | Lên lịch diệt chuột thông báo tới các đơn vị | NV Khoa KSNK | Các đơn vị đã có lịch diệt chuột (các đơn vị nắm được thời gian diệt chuột để thông báo cho đơn vị mình) |
| 4 | Thực hiện diệt chuột **(Phụ lục 1)** | NV Khoa KSNK  Công ty diệt chuột | Diệt chuột theo đúng lịch.  Biên bản xác nhận thực hiện có đầy đủ chữ ký các bên sau khi kết thúc công việc ***(theo phụ lục 2)*** |
| 5 | Đánh giá hiệu quả sau 10 ngày diệt chuột đối với các đơn vị/địa điểm đã thực hiện | NV Khoa KSNK | Phiếu đánh giá hiệu quả diệt chuột có xác nhận của Đại diện đơn vị ***(theo phụ lục 3)*** |
| 6 | Báo cáo tổng kết hiệu quả diệt chuột theo mỗi đợt thực hiện | NV Khoa KSNK | Báo cáo tổng kết hiệu quả diệt chuột ***(theo phụ lục 4)*** |
| 7 | Diệt chuột bổ sung với những đơn vị đánh giá chưa đạt hiệu quả sau lần diệt đầu tiên (còn chuột). Kiểm tra và đánh giá lại hàng tuần vào phiếu đánh giá cho đến khi không còn chuột tại đơn vị | NV Khoa KSNK Công ty diệt chuột | Diệt chuột bổ sung: biên bản xác nhận thực hiện *(theo phụ lục 2)*  Phiếu đánh giá hiệu quả***(theo phụ lục 3)*** |
| 8 | Trong thời gian bảo hành của Công ty, tiến hành kiểm tra và thực hiện diệt chuột, tìm xác chuột khi nhận được ý kiến phản ánh của các đơn vị trên. | NV Khoa KSNK Công ty diệt chuột | Biên bản xác nhận thực hiện (nếu có ý kiến phản ánh của các đơn vị) |

**Trưởng khoa**

**Bệnh viện Bạch Mai**

**Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn**

**Phụ lục 1: Kỹ thuật diệt chuột**

1. **Mục tiêu: đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn tài sản trong bệnh viện.**
2. **Phạm vi áp dụng: kỹ thuật diệt chuột này được áp dụng cho các Viện, Trung tâm, Khoa, phòng và khu vực ngoại cảnh trong bệnh viện.**
3. **Nội dung thực hiện**
   1. ***Chuẩn bị phương tiện***

**- Thiết bị: keo dính chuột, bẫy chuột.**

**- Thuốc diệt chuột: Theo phụ lục 1 Thông tư số 19/2022/TT-BNNPTNT ngày 2 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.**

**- Phương tiện phòng hộ cá nhân: găng tay, khẩu trang.**

* 1. ***Các bước thực hiện***

**Bước 1:** nhân viên (NV) Khoa KSNK và NV Công ty diệt chuột **xác định vị trí rải thuốc diệt chuột**

**- Góc nhà, khe tủ, gầm bàn ghế trong khu vực phòng làm việc, hội trường, buồng bệnh, hành lang.**

**- Khu vực ngoại cảnh:** dọc theo các bờ tường, lối đi khuất người hoặc men theo các bồn cây, bồn hoa, nơi để tập trung các thùng/hộp thu gom chất thải.

Bước 2: Đại diện đơn vị nhắc nhở nhân viên y tế, người bệnh thu dọn đồ dùng cá nhân, bảo quản đồ ăn uống.

Bước 3: NV diệt chuột mang phương tiện phòng hộ cá nhân (găng tay, khẩu trang).

Bước 4: NV diệt chuột tiến hành rải thuốc diệt chuột tại các vị trí đã xác định.

Bước 5: NV Khoa KSNK và NV diệt chuột kiểm tra tại các vị trí đã rải thuốc. Với những vị trí còn nguyên thuốc diệt chuột, xác định lại đường đi của chuột để đặt lại thuốc. Đặt bổ sung thuốc diệt chuột với những vị trí không còn hoặc giảm thuốc, rải bổ sung thuốc chuột và bẫy chuột vào các vị trí chuột đã ăn.

Bước 6: NV diệt chuột kiểm tra phát hiện và thu gom xác chuột hoặc khi nhận được thông báo chuột chết từ các đơn vị, NV vệ sinh của đơn vị vệ sinh bề mặt môi trường sau khi thu gom xác chuột.

**QUY TRÌNH 03**

**QUY TRÌNH DIỆT GIÁN TẠI CÁC ĐƠN VỊ TRONG BỆNH VIỆN (BV)**

**1. Mục tiêu:** Quy định thống nhất cách thức triển khai thực hiện diệt gián và đánh giá hiệu quả diệt gián để đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn tài sản của các đơn vị trong toàn BV.

**2. Phạm vi áp dụng:** Tất cả các Viện/Trung tâm/Khoa/phòng, khu vực ngoại cảnh của BV.

**3. Nội dung thực hiện:**

| **TT** | **Các bước thực hiện** | **Trách nhiệm** | **Sản phẩm đầu ra** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Căn cứ theo yêu cầu diệt gián của các đơn vị, thực hiện khảo sát sự xuất hiện của gián:  - Kiểm tra sự có mặt của gián, đo đạc, tính toán diện tích khảo sát  - Tổng hợp diện tích diệt gián của các đơn vị trong BV | NV Khoa KSNK | Phiếu khảo sát có đầy đủ chữ ký các bên sau khi kết thúc công việc khảo sát ***(theo phụ lục 1).***  Bảng tổng hợp diện tích diệt gián. |
| 2 | Thực hiện đấu thầu và trình BGĐ ký hợp đồng dịch vụ diệt gián cho các đơn vị | Phòng Thầu  Công ty diệt gián | Quyết định phê duyệt lựa chọn đơn vị thực hiện diệt gián trong toàn Bệnh viện  Hợp đồng diệt gián được BGĐ ký duyệt |
| 3 | Lên lịch diệt gián thông báo tới các dơn vị | NV Khoa KSNK | Các đơn vị đã có lịch diệt gián (Các đơn vị nắm được thời gian diệt gián để thông báo cho đơn vị mình) |
| 4 | Thực hiện diệt gián **(phụ lục 2)** | Công ty diệt gián  NV Khoa KSNK | Thực hiện diệt gián theo đúng lịch.  Biên bản xác nhận thực hiện có đầy đủ chữ ký các bên sau khi kết thúc công việc ***(theo phụ lục 3).*** |
| 5 | Đánh giá hiệu quả diệt gián sau 10 ngày bơm bảđối với các đơn vị/địa điểm đã tiến hành diệt gián | NV Khoa KSNK | Phiếu đánh giá hiệu quả diệt gián có xác nhận của Đại diện đơn vị ***(theo phụ lục 4).*** |
| 6 | Báo cáo tổng kết hiệu quả diệt gián theo mỗi đợt thực hiện | NV Khoa KSNK | Báo cáo tổng kết hiệu quả diệt gián **(phụ lục 5)** |
| 7 | Triển khai diệt gián lại với những đơn vị đánh giá chưa đạt hiệu quả (còn gián) sau lần diệt đầu tiên. Xin ý kiến nhận xét hàng tuần vào phiếu đánh giá cho đến khi không còn gián. | NV Khoa KSNK  Công ty diệt gián | Biên bản xác nhận thực hiện *(****theo phụ lục 3)***  Phiếu đánh giá hiệu quả ***(theo phụ lục 4)*** |
| 8 | Trong thời gian bảo hành của Công ty, tiến hành kiểm tra và thực hiện diệt gián khi nhận được ý kiến phản ánh của các đơn vị | NV Khoa KSNK  Công ty diệt gián | Biên bản xác nhận thực hiện (nếu có ý kiến phản ánh của các đơn vị) |

**Trưởng Khoa KSNK**

**Bệnh viện Bạch Mai**

**Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn**

**Phụ lục 2: Kỹ Thuật Diệt Gián Đức**

1. **Mục tiêu: Đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn tài sản trong bệnh viện.**
2. **Phạm vi áp dụng: Kỹ thuật diệt gián này được áp dụng cho các Viện, Trung tâm, Khoa, phòng chức năng**
3. **Nội dung thực hiện**

***3.1 Chuẩn bị phương tiện***

**- Hóa chất: Thuốc diệt gián nằm trong Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2018/TT-BYT ngày 27/4/2018 của Bộ y tế.**

**- Phương tiện phòng hộ cá nhân: găng tay, khẩu trang.**

***3.2. Các bước thực hiện***

Bước 1: Nhân viên (NV) Khoa KSNK và NV diệt gián phối hợp với đơn vị được diệt xác định vị trí diệt gián như sau:

- Góc nhà, khe tủ, gầm bàn, ghế, giường, tủ, phía trong tủ đồ tại khu vực phòng làm việc, hội trường, buồng bệnh, kho chứa đồ, nhà vệ sinh... và những nơi có sự xuất hiện của gián mà trước đó đã khảo sát.

Bước 2: Đại diện đơn vị nhắc nhở nhân viên y tế, người bệnh thu dọn đồ dùng cá nhân, bảo quản đồ ăn uống.

Bước 3: NV diệt gián mang phương tiện phòng hộ cá nhân (găng tay, khẩu trang).

Bước 4: NV diệt gián tiến hành bơm bả diệt gián tại các vị trí đã xác định. Mỗi vị trí sẽ được bơm 03 giọt thuốc diệt gián với khoảng cách từ 20- 40 cm cho 1 vị trí.

Bước 5: Sau 10 ngày kể từ ngày bơm bả diệt gián, nhân viên Khoa KSNK giám sát công ty diệt gián tiến hành kiểm tra và quét dọn xác gián tại các đơn vị. Tiến hành bơm bả bổ sung đối với những vị trí vẫn còn gián hoặc bả trước đó đã bị ăn hết. Tần xuất 2 ngày một lần cho đến khi không còn gián (khoảng 20 ngày kể từ ngày bơm thuốc diệt gián)

Bước 6: NV khoa KSNK và NV diệt gián thực hiện chế độ bảo hành, bơm thuốc diệt gián khi trực tiếp phát hiện còn gián, hoặc sau khi nhận được thông tin từ các đơn vị.

**QUY TRÌNH 04**

**QUY TRÌNH DIỆT MỐI TẠI CÁC ĐƠN VỊ TRONG BỆNH VIỆN (BV)**

**1. Mục tiêu:** Quy định thống nhất cách thức triển khai thực hiện diệt mối và đánh giá hiệu quả diệt mối để đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn tài sản của các đơn vị trong toàn BV.

**2. Phạm vi áp dụng:** Tất cả các Viện/Trung tâm/Khoa/phòng của BV.

**3. Nội dung thực hiện:**

| **TT** | **Các bước thực hiện** | **Trách nhiệm** | **Sản phẩm đầu ra** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Thực hiện khảo sát sự xuất hiện của mối theo đề nghị của đơn vị:  - Kiểm tra sự xuất hiện của mối, hiện trạng phá hoại của mối tại các vị trí  - Đo đạc, tính toán diện tích khảo sát  - Lập biên bản khảo sát có đầy đủ chữ ký các bên sau khi kết thúc công việc khảo sát | Nhân viên (NV) Khoa KSNK; | * Biên bản khảo sát **(phụ lục 1).**   Bảng tổng hợp diện tích diệt mối. |
| 2 | Thực hiện đấu thầu và trình BGĐ ký hợp đồng dịch vụ diệt mối cho các đơn vị | Phòng Thầu  Công ty diệt mối | Quyết định phê duyệt lựa chọn đơn vị thực hiện diệt mối trong toàn Bệnh viện.  Hợp đồng diệt mối được BGĐ ký duyệt. |
| 3 | Thực hiện diệt mối **(phụ lục 2)** | Công ty diệt mối  NV Khoa KSNK | Biên bản xác nhận thực hiện có đầy đủ chữ ký các bên sau khi kết thúc công việc ***(theo phụ lục 3).*** |
| 4 | Đánh giá hiệu quả diệt mối sau 1 tháng thực hiện tất cả các bước diệt mối theo phương án | NV Khoa KSNK | Phiếu đánh giá hiệu quả diệt mối có xác nhận của Đại diện đơn vị ***(theo******phụ lục 4).*** |
| 7 | Báo cáo tổng kết hiệu quả diệt mối | NV Khoa KSNK | Báo cáo tổng kết hiệu quả diệt mối ***(theo phụ lục5)*** |
| 8 | Thực hiện lại các bước diệt mối theo phương án với những đơn vị chưa đạt hiệu quả sau lần diệt đầu tiên (còn dấu hiệu xuất hiện của mối). Sau mỗi tháng kiểm tra và lấy ý kiến đánh giá hiệu quả của Đại diện đơn vị vào phiếu đánh giá cho đến khi không còn dấu hiệu của mối tại đơn vị. | NV Khoa KSNK  Công ty diệt mối | * Diệt mối bổ sung: biên bản xác nhận thực hiện ***(theo phụ lục 3)*** * Đánh giá hiệu quả: ***(theo phụ lục 4)*** |
| 9 | Trong thời gian bảo hành của Công ty, tiến hành kiểm tra và thực hiện diệt mối khi nhận được ý kiến phản ánh của các đơn vị trên. | NV Khoa KSNK  Công ty diệt mối | * Biên bản xác nhận thực hiện (nếu có ý kiến phản ánh của các đơn vị) |

**Trưởng Khoa KSNK**

**Bệnh viện Bạch Mai**

**Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn**

**Phụ lục 2: Kỹ Thuật Diệt Mối**

1. **Mục tiêu: Đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn cho tài sản của khoa/phòng và bệnh viện.**
2. **Phạm vi áp dụng: phương án xử lý mối này được áp dụng cho các vị trí khảo sát phát hiện mối đang tấn công**
3. **Nội dung thực hiện**

***3.1. Chuẩn bị phương tiện***

***-*** Hoá chất diệt mối: **Theo phụ lục 1 Thông tư số 19/2022/TT-BNNPTNT ngày 2 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.**

**- Nguyên vật liệu diệt mối:** Hộp nhử mối, thuốc diệt mối sinh học, hóa chất phòng mối

* **Phương tiện phòng hộ cá nhân: găng tay, khẩu trang.**

***3.2. Các bước thực hiện***

***Bước 1:* Đặt hộp nhử mối.**

**Cậy nơi có mối, làm ướt hộp nhử mối, sau đó đặt hộp nhử mối cố định tại nơi có đường đi của mối (chọn nơi yên tĩnh càng tốt). Trường hợp đường mối đi giữa tường thì phải làm giá treo cố định hộp. Đặt ở vị trí nào cũng hạn chế tối thiểu sự ảnh hưởng tới mỹ quan và sự hoạt động bình thường của cơ quan. Chú ý trong quá trình đặt không di chuyển, không bóc hộp ra xem.**

**Số lượng hộp nhử mối cần đặt phụ thuộc vào số đường mối ăn. Mỗi đường mối ăn có thể đặt 2 -6 hộp.**

***Bước 2:* Kiểm tra, điều chỉnh quá trình đặt hộp nhử.**

**Sau khi đặt hộp 10 - 15 ngày (nếu nhiệt độ môi trường thấp ta có thể tăng thời gian nhử mối lên một vài ngày), tiến hành kiểm tra điều chỉnh hộp nhử sao cho lượng mối nhử vào hộp nhiều nhất nâng cao hiệu quả quá trình nhử mối.**

***Lưu ý: khi kiểm tra nếu thấy xung quanh hộp nhử có xuất hiện đường ăn của mối (đường đất ẩm đắp xung quanh viền hộp), đó là lúc mối đã ăn nhiều trong hộp.***

***Bước 3:* Rắc chế phẩm sinh học vào hộp nhử mối.**

**Các hộp có mối ăn được rắc chế phẩm sinh học diệt mối tận gốc. Theo phương pháp diệt mối sinh học, không diệt mối ngay tại nơi phun thuốc mà phải để mối về tổ mới chết và gây chết hệ thống ở tổ (nếu mối chết ngay tại nơi rắc thuốc sẽ không có tác dụng diệt tận gốc các tổ mối). Với yêu cầu càng nhiều mối dính thuốc chạy về tổ càng tốt. Mối sau khi bị dính thuốc chạy về tổ sẽ lây nhiễm toàn bộ quần thể mối và mối chúa trong khu vực.**

**Trước hết dỡ hộp nhử mối, đổ hết các miếng mồi nhử và những con mối trong hộp nhử vào một chậu khô, sau đó dùng chế phẩm diệt mối sinh học bơm đều lên các con mối trên bề mặt các miếng mồi nhử cho đều rồi xếp trở lại hộp nhử (cả những con mối) để hộp nhử đúng vào vị trí ban đầu.**

***Lưu ý:*** *Chỉ rắc thuốc vào hộp nhử mối khi ta nhử được một lượng mối lớn vào. Sau đó rắc thuốc vào những con mối trong hộp nhử, mối thợ sẽ về tổ lây nhiễm cả tổ, tổ mối sẽ bị tiêu diệt.*

**Chỉ sau 6 - 7 ngày là tổ mối bị tiêu diệt, ở vị trí ẩm chúng cũng không sống quá 15 ngày.**

*Bước 4:* Sau 3 - 4 ngày thu dọn hộp nhử mối.

*Bước 5 :* Phun dung dịch phòng mối lên tường tại các khu vực đã bị mối ăn, nhằm tiêu diệt các ấu trùng và mối còn sót lại. Phòng trừ mối từ nơi khác xâm nhập trở lại. Trường hợp tổ mối dưới nền đất sát chân tường, dùng khoan bê tông khoan các mũi xuống nền đất và bơm hóa chất phòng mối xuống mũi khoan để tiêu diệt các ấu trùng mối trong nền đất.

*Bước 6:* Dọn dẹp vệ sinh và hoàn trả lại mặt bằng.

**Danh sách các vị trí cần phun thuốc diệt muỗi**

| **TT** | **Tên khu vực/đơn vị** | **Vị trí cần phun** |
| --- | --- | --- |
|  | **Khu vực toà nhà A9** |  |
|  | Trung tâm cấp cứu tầng 1, tầng 2 | * Khu hành chính: phòng giao ban, hội trường, phòng nhân viên. * Hành lang trong, hàng lang bao ngoài Trung tâm * Nhà vệ sinh, cầu thang, kho chứa đồ. * Khu vực hàng cây trước cửa và phía sau của Trung tâm * Cống, rãnh thoát nước phía sau Trung tâm |
| 2 | TT Thận lọc máu | * Khu hành chính: Hội trường, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo khoa, phòng thông tin. * Hành lang trong, hàng lang bao ngoài Trung tâm * Buồng bệnh (tầng 3 và tầng 4). * Nhà vệ sinh, cầu thang, kho chứa đồ. * Buồng thủ thuật. |
|  | **Khu vực toà nhà A10** |  |
| 3 | TT Đột Quỵ | * Khu hành chính: phòng giao ban, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo khoa. * Hành lang đi lại bên trong (tầng 2) * Nhà vệ sinh, cầu thang. * Kho chứa đồ * Tường phía ngoài Trung tâm (cao 1,5 m xuống mặt đất). |
|  | **Khu vực toà nhà A1-A5** |  |
| 4 | TT Dị ứng miễn dịch lâm  sàng | * Buồng bệnh * Buồng thủ thuật, buồng tiêm * Khu hành chính: phòng giao ban, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Nhà vệ sinh, hành lang, sân giữa TT * Kho tầng 2 |
| 5 | Khoa Y học cổ truyền | * Buồng bệnh * Buồng thủ thuật, buồng tiêm * Khu hành chính: phòng giao ban, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Nhà vệ sinh, hành lang |
| 6 | Khoa Răng hàm mặt | * Buồng bệnh * Các phòng thủ thuật * Khu hành chính: Phòng hành chính, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo khoa, phòng tiếp đón * Hành lang trong * Tường xung quanh phía ngoài khoa (cao 1,5 m xuống mặt đất). |
| 7 | Khoa Tai mũi họng nhà A5 | * Khu hành chính: Phòng hành chính, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo khoa, phòng tiếp đón * Các phòng thủ thuật (nội soi, đo thính lực), * Hành lang trong, hành lang ngoài khoa * Tường phía ngoài khoa (cao 1,5 m xuống mặt đất). |
| 8 | Khoa Mắt | * Buồng bệnh * Phòng thủ thuật * Khu hành chính: phòng giao ban, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo khoa, khu tiếp đón. * Hành lang đi lại bên trong * Tường xung quanh phía ngoài khoa (cao 1,5 m xuống mặt đất) và các bồn cây cảnh * Phòng thu tiền |
| 9 | Ngoại cảnh khu nhà A | * Sân trước và sân sau khu nhà A và tường bao quanh khu nhà A (cao 1,5 m xuống mặt đất) * Cống, rãnh * Hàng cây, bãi cỏ |
|  | **Nhà B2 khu Hành chính cũ** |  |
| 10 | Phòng vật tư thiết bị y tế | * Khu hành chính: phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Kho lưu giữ các thiết bị * Nhà vệ sinh * Hành lang đi lại |
| 11 | Phòng Hành chính quản trị | * Phòng nhân viên * Phòng lãnh đạo * Kho vật tư, văn phòng phẩm * Nhà vệ sinh |
| 12 | Phòng Tổ chức cán bộ  Phòng Công đoàn | * Phòng nhân viên * Phòng lãnh đạo * Nhà vệ sinh * Hành lang trong và hành lang ngoài, cầu thang |
| 13 | Phòng bảo vệ chính trị nội bộ | * Phòng làm việc, nhà WC, hành lang đi lại và tường bao ngoài các phòng |
| 14 | Phòng điều dưỡng | * Phòng nhân viên * Phòng lãnh đạo * Nhà vệ sinh, hành lang, cầu thang |
| 15 | Phòng KHTH | * Phòng làm việc * Kho lưu giữ hồ sơ bệnh án |
| 16 | Phòng TCKT | * Phòng nhân viên * Phòng lãnh đạo * Kho tài chính kế toán * Nhà vệ sinh, hành lang, cầu thang |
| 17 | Ngoại cảnh khu Hành chính cũ | * Khu vực sân trước nhà hành chính cũ, bề mặt tường bao ngoài hàng lan can và tường bao quanh giáp viện TMH trung ương (cao 1,5 m xuống mặt đất) * Nhà bảo vệ cổng số 2 * Bụi cây, cống, rãnh |
|  | **Nhà B1** |  |
| 18 | TT huyết học và truyền máu | * Buồng bệnh (tầng 1,2,3,4) * Phòng tiêm, phòng thủ thuật * Khu hành chính: Phòng giao ban, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo, khu tiếp đón * Hội trường * Hành lang, cầu thang, gầm cầu thang * Nhà vệ sinh * Tường bao xung quanh toà nhà (cao 1,5 m xuống mặt đất) |
|  | **Khu nhà C** |  |
| 19 | C1 Viện Tim mạch | * Buồng bệnh * Khu hành chính: Phòng giao ban, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo, phòng tiếp đón * Phòng lưu giữ máy móc thiết bị * Nhà vệ sinh, hành lang và tường bao ngoài. |
| 20 | C2- Viện Tim mạch | * Buồng bệnh * Buồng tiêm * Khu hành chính: Phòng giao ban, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Nhà vệ sinh, hành lang trong và ngoài. |
| 21 | C3- Viện Tim mạch | * Buồng bệnh * Buồng tiêm * Khu hành chính: Phòng giao ban, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Nhà vệ sinh, hành lang trong và tường bao ngoài |
| 22 | C4- Viện Tim mạch | * Buồng bệnh * Buồng tiêm * Khu hành chính: Phòng giao ban, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Nhà vệ sinh, hành lang trong và ngoài. |
| 23 | C5- Viện Tim mạch | * Buồng bệnh * Buồng tiêm * Khu hành chính: Phòng giao ban, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Nhà vệ sinh, hành lang trong và tường bao ngoài |
| 24 | C6- Viện Tim mạch | * Buồng bệnh * Buồng tiêm * Khu hành chính: Phòng giao ban, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Nhà vệ sinh, hành lang trong và ngoài. |
| 25 | C7- Viện Tim mạch | * Buồng bệnh * Buồng tiêm * Khu hành chính: Phòng giao ban, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Nhà vệ sinh, hành lang trong và tường bao ngoài |
| 26 | C8 - Viện Tim mạch | * Buồng bệnh * Buồng tiêm * Khu hành chính: Phòng giao ban, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Nhà vệ sinh, hành lang trong và ngoài. |
| 27 | C9 - Viện Tim mạch | * Buồng bệnh tầng 1, 2 * Buồng tiêm * Khu hành chính: Phòng giao ban, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Nhà vệ sinh, hành lang trong và tường bao ngoài |
| 28 | Khu khám bệnh theo yêu cầu – Viện Tim mạch | * Các phòng khám và phòng thủ thuật * Nhà vệ sinh, hành lang và sảnh chờ |
| 29 | Can thiệp Tim mạch | * Phòng chờ * Buồng thủ thuật * Phòng nhân viên, kho chứa đồ. * Phòng xử lý dụng cụ * Hành lang, nhà vệ sinh |
| 30 | Ngoại cảnh Viện Tim mạch | * Sân trước và sau, bề mặt tường bao xung quanh khu nhà C (cao 1,5 m xuống đất) của Viện Tim mạch. * Toàn bộ tường bao quanh phía nhà dân (cao 1,5 m xuống đất) |
|  | **Khu vực nhà P** |  |
| 31 | TT Nhi | * Buồng bệnh * Buồng thủ thuật, buồng khám và tư vấn * Khu hành chính: Quầy tiếp đón bệnh nhân, phòng giao ban, hội trường, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Nhà vệ sinh, hành lang trong, sảnh giữa và hành lang ngoài (trước cửa số 4 và hành lang sau tiếp giáp với sân nhà Q) |
| 32 | TT Tiêu hoá - Gan mật | * Buồng bệnh * Buồng tiêm/buồng thủ thuật * Khu hành chính: Quầy tiếp đón bệnh nhân, phòng giao ban, hội trường, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Nhà vệ sinh, hành lang trong và ngoài |
| 33 | Khu nội soi Tiêu hoá – Gan mật | * Buồng bệnh * Buồng thủ thuật/buồng soi * Khu hành chính: phòng chờ, phòng giao ban, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Nhà vệ sinh, hành lang |
| 34 | Khoa PT Tiêu hoá – Gan mật | * Buồng bệnh * Buồng tiêm/buồng thủ thuật * Khu hành chính: Quầy tiếp đón bệnh nhân, phòng giao ban, hội trường, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Nhà vệ sinh, hành lang trong và ngoài |
| 35 | Phòng đẻ khoa Sản | * Buồng đẻ * Buồng chờ đẻ * Nhà vệ sinh * Kho để đồ bẩn * Khu hành chính: tiếp đón tiếp bệnh nhân, phòng giao ban, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Hành lang trong |
| 36 | Khoa Ngoại tổng hợp | * Buồng bệnh * Buồng tiêm/buồng thủ thuật * Khu hành chính: Quầy tiếp đón tiếp bệnh nhân, phòng giao ban, hội trường, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Nhà vệ sinh, hành lang trong và ngoài |
| 37 | TT GMHS nhà P | * Khu vực hành chính: phòng tiếp đón, phòng nhân viên, khu vực thay đồ, phòng giao ban, phòng họp * Nhà vệ sinh, hành lang trong và ngoài |
| 38 | TT Thận TN – Lọc máu | * Buồng bệnh * Buồng tiêm/buồng thủ thuật * Khu hành chính: Quầy tiếp đón bệnh nhân, phòng giao ban, hội trường, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Nhà vệ sinh, hành lang trong và ngoài |
| 39 | TT Cơ xương khớp | * Buồng bệnh * Buồng tiêm/buồng thủ thuật * Khu hành chính: Quầy tiếp đón bệnh nhân, phòng giao ban, hội trường, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Nhà vệ sinh, hành lang trong và ngoài |
| 40 | Khoa PTLN | * Buồng bệnh * Buồng tiêm/buồng thủ thuật * Khu hành chính: Quầy tiếp đón bệnh nhân, phòng giao ban, hội trường, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Nhà vệ sinh, hành lang trong và ngoài |
| 41 | Khoa Nội tiết - Đái tháo đường | * Buồng bệnh * Buồng tiêm/buồng thủ thuật * Khu hành chính: Quầy tiếp đón bệnh nhân, phòng giao ban, hội trường, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Nhà vệ sinh, hành lang trong và ngoài |
| 42 | Văn phòng bệnh viện | * Bên trong phòng * Hành lang bên ngoài |
| 43 | Phòng Văn thư, Phòng Lãnh đạo Bệnh viện, phòng KSNB | * Bên trong các Phòng Văn thư, Phòng Giám đốc, Phó giám đốc, phòng pháp chế * Hành lang bên ngoài |
| 44 | Phòng họp số 1,2 , hội trường lớn, hội trường bác sỹ | * Bên trong các phòng họp, hội trường * Hành lang và tường bao phía ngoài các phòng * Sảnh chờ trước cửa phòng họp số 1,2 * Hành lang, tường bao ngoài trước cửa số 4 |
| 45 | Trưởng phòng KHTH, Trưởng phòng HCQT, phòng lễ tân, | * Bên trong các phòng * Hành lang ngoài phòng |
| 46 | Kho Vật tư TBYT, điểm thu tiền nhà P, văn phòng đảng uỷ | * Bên trong các phòng * Hành lang ngoài phòng |
| 47 | Trung tâm điện Quang | * Phòng chụp, phòng đọc kết quả * Khu hành chính: Phòng tiếp đón, phòng giao ban, hội trường, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Nhà vệ sinh, hành lang trong và ngoài |
| 48 | Phòng KHTH, Phòng NCKH và CNTT | * Bên trong các phòng * Hành lang trong ngoài phòng |
| 49 | Khu Căng tin | * Sân vườn cây bên ngoài và rãnh thoát nước |
| 50 | Ngoại cảnh khu nhà P | * Sân trước cửa số 1 * Đài phun nước * Hàng cây cảnh * Sân trước cửa số 2 và số 3 * Sân sau TT Nhi khoa * Sân trước cửa số 4 * Tường bao quanh toà nhà P (cao 1,5 m xuống mặt đất) |
|  | **Khu vực nhà Q** |  |
| 51 | Khoa Dược | * Các kho Dược hầm B2 * Các phòng làm việc hầm B2, tầng 1 * Phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Hành lang ngoài, nhà vệ sinh |
| 52 | Trung tâm Điện quang hầm B1 | * Bên trong các phòng chụp, phòng siêu âm, phòng đọc kết quả, phòng nhân viên * Hành lang và tường bao xung quanh hầm B1 * Nhà vệ sinh |
| 53 | Phòng TCKT (tầng 1) | * Bên trong phòng * Hành lang xung quanh |
| 54 | Khoa Da liễu (tầng 1 và tầng 12) | * Phòng khám và phòng tiếp đón tầng 1 * Hành lang ngoài trước cửa phòng khám và phòng tiếp đón tầng 1 * Buồng bệnh tầng 12 * Buồng tiêm/buồng thủ thuật * Khu hành chính: Quầy tiếp đón bệnh nhân, phòng giao ban, hội trường, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Nhà vệ sinh, hành lang |
| 55 | Viện Tim mạch tầng 2 | * Buồng bệnh * Buồng thủ thuật * Khu hành chính: Quầy tiếp đón bệnh nhân, phòng giao ban, hội trường, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Hành lang trong, hành lang ngoài, nhà vệ sinh * Kho để đồ bẩn (đồ vải, dụng cụ, chất thải) |
| 56 | Khoa Phụ Sản tầng 3 | * Buồng bệnh * Buồng tiêm, buồng thủ thuật * Khu hành chính: Quầy tiếp đón bệnh nhân, phòng giao ban, hội trường, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Hành lang trong, hành lang ngoài, nhà vệ sinh * Buồng để đồ bẩn |
| 57 | TT Gây mê hồi sức tầng 4 nhà Q | * Phòng mổ * Phòng hậu phẫu * Khu vực hành chính: phòng tiếp đón, phòng nhân viên, khu vực thay đồ, phòng họp * Nhà vệ sinh, hành lang trong và ngoài, cầu thang |
| 58 | Trung tâm Hồi sức tích cực tầng 5,6 | * Khu hành chính: Quầy ghi chép bệnh án, phòng họp, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo, phòng máy * Hành lang trong, hành lang ngoài, cầu thang, nhà vệ sinh * Buồng để đồ bẩn (đồ vải, dụng cụ) |
| 59 | Khoa Chấn thương chỉnh hình và cột sống tầng 7 | * Buồng bệnh * Buồng tiêm, buồng thủ thuật * Khu hành chính: Quầy tiếp đón bệnh nhân, phòng giao ban, hội trường, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Hành lang trong, hành lang ngoài, cầu thang, nhà vệ sinh * Buồng để đồ bẩn (đồ vải, dụng cụ) |
| 60 | Khoa TMH tầng 8 | * Buồng bệnh * Buồng tiêm, buồng thủ thuật * Khu hành chính: Quầy tiếp đón bệnh nhân, phòng giao ban, hội trường, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Hành lang trong, hành lang ngoài, cầu thang, * nhà vệ sinh |
| 61 | Khoa PT tạo hình thẩm mỹ tầng 8 | * Buồng bệnh * Buồng tiêm/buồng thủ thuật * Khu hành chính: Quầy tiếp đón bệnh nhân, phòng giao ban, hội trường, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Hành lang trong, hành lang ngoài, nhà vệ sinh, cầu thang bộ * Buồng để đồ bẩn (đồ vải, dụng cụ) |
| 62 | Khoa PT thần kinh và sọ não tầng 9 | * Buồng bệnh * Buồng tiêm/buồng thủ thuật * Khu hành chính: Quầy tiếp đón bệnh nhân, phòng giao ban, hội trường, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Hành lang trong, hành lang ngoài, nhà vệ sinh, cầu thang bộ * Buồng để đồ bẩn (đồ vải, dụng cụ) |
| 63 | Trung tâm YHHN và UB tầng 10,11,12 | * Buồng bệnh * Buồng tiêm/buồng thủ thuật * Khu hành chính: Quầy tiếp đón bệnh nhân, phòng giao ban, hội trường, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Hành lang trong, hành lang ngoài, nhà vệ sinh, cầu thang bộ * Buồng để đồ bẩn (đồ vải, dụng cụ) |
| 64 | Khoa Hoá sinh tầng 13 | * Buồng chạy máy xét nghiệm * Khu hành chính: Quầy nhận mẫu và trả kết quả, phòng giao ban, hội trường, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Hành lang trong, sân hành lang phía ngoài, các bồn cây, cầu thang * Nhà vệ sinh * Buồng lưu giữ bệnh phẩm, kho vật tư |
| 65 | TT huyết học và truyền máu tầng 14 | * Khu hành chính: phòng làm việc, hội trường, phòng nhân viên * Khu nhận mẫu và trả kết quả * Phòng xét nghiệm * Hành lang, cầu thang * Nhà vệ sinh * Buồng lưu giữ bệnh phẩm, kho vật tư |
| 66 | Khoa Vi sinh tầng 15 | * Buồng xét nghiệm * Khu hành chính: phòng hành chính, phòng họp, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo, phòng chuyên gia * Quầy nhận mẫu và trả kết quả * Hành lang, cầu thang, nhà vệ sinh * Buồng lưu giữ bệnh phẩm, kho vật tư * Buồng hấp chất thải |
| 67 | TT giải phẫu bệnh tầng 16 | * Khu hành chính: phòng hành chính, phòng họp, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo, phòng bộ môn sinh học * Phòng xét nghiệm * Hành lang đi lại, cầu thang * Nhà vệ sinh * Buồng lưu giữ bệnh phẩm, kho vật tư |
| 68 | TT hô hấp tầng 17,18,19 | * Buồng bệnh * Buồng tiêm/buồng thủ thuật * Khu hành chính: Quầy tiếp đón bệnh nhân, phòng giao ban, hội trường, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Hành lang trong, hành lang ngoài, nhà vệ sinh, cầu thang bộ * Buồng để đồ bẩn (đồ vải, dụng cụ) |
| 69 | **Ngoại cảnh nhà Q** | * Hàng cây cảnh, hành lang ngoài sảnh trước cửa nhà Q * Sân sau nhà Q * Tường bao quanh toà nhà Q (cao 1,5 m xuống mặt đất) |
|  | **Khu vực nhà K1** |  |
| 70 | Hầm để xe B2, B3 | * Xung quanh 2 hầm để xe và tường bao quanh (cao 1,5 m xuống mặt đất) * Bốt trông xe |
| 71 | Quầy thuốc (tầng 1,6) | * Bên trong quầy và xung quanh hành lang ngoài |
| 72 | Hầm B1 | * Các phòng trống, phòng nhân viên, nhà vệ sinh * Hành lang bên trong hầm |
| 73 | Các khu khoa khám bệnh theo yêu cầu | * Khu đón tiếp bệnh nhân tầng 1 * Các phòng thăm dò chức năng (siêu âm, phòng chụp XQ, nội soi tiêu hoá, điện tim, siêu âm tim, đo mật độ sương, điện não…) Tầng 2,3,8 * Các phòng lấy máu xét nghiệm (tầng 3,4,5,6) * Các phòng khám (tầng 4,5,6,7) * Phòng thu tiền (tầng 4,5,6) * Phòng labo tầng 7 * Hành lang đi lại, nhà vệ sinh từ tầng 1 đến tầng 8 |
| 74 | Căng tin nhà K | * Khu bán hàng và hành lang đi lai, nhà vệ sinh tầng 9 |
|  | **Khu nhà K2** |  |
| 75 | Khoa Khám bệnh | * Các phòng khám, phòng thực hiện thủ thuật (4 tầng) * Hành lang trong và hành lang ngoài (4 tầng) * Khu vực hành chính: Phòng hành chính, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Phòng thanh toán viện phí (tầng 1,2,3,4) * Nhà vệ sinh (4 tầng) * Cầu thang, gầm cầu thang * Sân, rãnh thoát nước và tường bao phía ngoài Khoa Khám bênh |
|  | **Khu nhà K3** |  |
| 76 | TT Chống độc | * Buồng bệnh * Phòng thủ thuật * Khu hành chính: Quầy tiếp đón, phòng họp, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Phòng lưu giữ máy móc thiết bị, phòng xử lý dụng cụ, phòng xét nghiệm * Hành lang trong, cầu thang, gầm cầu thang, nhà vệ sinh * Kho chứa đồ * Tường bao ngoài nhà K3 (cao 1,5 m xuống mặt đất) |
|  | **Khu nhà H** |  |
| 77 | TT YHHN và UB | * Buồng bệnh (tầng 1,2,3) * Phòng tiêm, phòng thủ thuật * Khu vực tiếp đón * Phòng thanh toán viện phí * Nhà vệ sinh * Sân cây cảnh và bồn nước tầng 1 * Cầu thang, gầm cầu thang * Khu hành chính: phòng làm việc, phòng giao ban (tầng 2,3), phòng nhân viên, hội trường * Hành lang đi lại bên trong, hành lang ngoài các tầng. * Sân trước, khu tập kết rác và tường bao quanh Trung tâm |
|  | **Khu nhà T** |  |
| 78 | Trung tâm Thần kinh (6 khu vực đơn nguyên) | * Buồng bệnh * Buồng tiêm, buồng thủ thuật * Khu hành chính: phòng giao ban, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo, hội trường, phòng thanh toán viện phí. * Nhà vệ sinh, kho chứa đồ * Hành lang đi lại bên trong và bên ngoài |
| 79 | Ngoại cảnh TT Thần kinh | * Sân trước Trung tâm * Cống rãnh, hàng cây cảnh * Sân sau Khoa Thần kinh và Khoa KSNK * Tường bao quanh toà nhà và tường quanh sân trước (cao 1,5 m xuống đất) * Bốt trông xe |
| 80 | Viện Sức khoẻ tâm thần | * Buồng bệnh * Buồng tiêm, buồng thủ thuật * Khu hành chính: phòng giao ban, phòng nhân viên, phòng lãnh đạo * Quầy tiếp đón bệnh nhân * Phòng khám tư vấn * Hành lang đi lại, cầu thang, gầm cầu thang * Nhà vệ sinh, kho chứa đồ |
| 81 | Ngoại cảnh Viện SKTT | * Sân trước của viện SKTT * Sân giữa các toà nhà đơn nguyên Viện SKTT và tường bao quanh các toà nhà (cao 1,5 m xuống mặt đất), ngách nhỏ giữa các toà nhà và giáp tường của Viện Da liễu TW * Hàng cây, bụi cỏ, cống, rãnh * Bốt trông xe |
|  | **Toà nhà G** |  |
| 82 | Khu vực để xe máy nhân viên | * Phòng nhân viên * Nhà vệ sinh * Cống, rãnh * Khu vực nhà để xe và tường bao xung quanh nhà để xe (4 tầng) * Cầu thang, gầm cầu thang |
|  | **Nhà 2 tầng (đối diện nhà G)** |  |
| 83 | Quầy thuốc, điểm thu tiền, tổ xe, tổ kỹ thuật | * Bên trong nhà * Cầu thang, gầm cầu thang * Cống, rãnh, bụi cây trước cửa |
|  | **Khu nhà E** |  |
| 84 | Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn | * Các phòng làm việc và nhà vệ sinh, nhà tắm trong khu vực các tổ (TK1, HC-KSNK, Hoá chất, Đồ vải) * Hàng cây cảnh trước sân Khoa * Tường bao ngoài Khoa KSNK * Sân sau khoa KSNK * Khu vực Tổ TK2 tầng 4 nhà P (nơi nhận dụng cụ bẩn, đóng gói, phòng giao ban, phòng trực, nhà vệ sinh, hành lang, cầu thang và tường bao ngoài) * Khu vực Tiệt khuẩn Tim mạch nhà C |
| 85 | Khu lưu giữ chất thải tập trung | * Khu tập kết chất thải thông thường * Sân trước và sau bể nước thải * Nhà lưu giữ chất thải lây nhiễm, tái chế * Kho để chất thải tái chế * Khu vực xử lý hộp kháng thủng * Phòng nhân viên, nhà vệ sinh * Tường xung quanh (cao 1,5 m xuống mặt đất) * Cống, rãnh, vườn cây trong khu vực lưu giữ chất thải tập trung |
|  | **Khu nhà A11** |  |
| 86 | Trung tâm Dinh dưỡng | * Phòng làm việc * Nhà vệ sinh * Hành lang đi lại |
| 87 | Phòng Quản lý chất lượng, Phòng CTXH | * Phòng làm việc * Nhà vệ sinh * Hành lang đi lại |
| 88 | Hội trường quốc tế | * Bên trong phòng * Hành lang xung quanh bên ngoài và tường bao ngoài quanh hội trường |
| 89 | Văn phòng dự án (Phòng HCQT) | * Phòng làm việc * Nhà vệ sinh * Hành lang đi lại, cầu thang |
| 90 | Ngoại cảnh nhà A11 | * Sân trước, sân sau và hàng cây xung quanh nhà A11 * Cây cảnh và tường xung quanh gò miếu * Tường bao ngoài xung quanh nhà A11 (cao 1,5 m xuống mặt đất) * Cống, rãnh, cầu thang, gầm cầu thang |
|  | **Khu nhà D3** |  |
| 91 | Kho Dươc (tầng 1) | * Bên trong các kho Dược, phòng làm việc * Nhà vệ sinh * Hành lang đi lại |
| 92 | Trường cao đẳng y tế Bach Mai | * Hội trường, phòng học (các tầng 2, 3, 4, 5, 6) * Nhà vệ sinh * Phòng đào tạo, phòng họp * Cầu thang, gầm cầu thang * Hành lang đi lại bên trong * Tường bao quanh phía ngoài nhà D3 |
|  | **Khu nhà D2** |  |
| 93 | Trung tâm Bệnh nhiệt đới | * Các phòng khám, phòng lấy máu (tầng 1,2) * Phòng nhân viên * Nhà vệ sinh * Cầu thang, gầm cầu thang * Tường bao xung quanh nhà D2 |
| 94 | Tổ vận chuyển, Kho của P.HCQT | * Phòng nhân viên, trong kho HCQT * Hành lang trước cửa kho và trước cửa phòng nhân viên * Khu vực để xe vận chuyển bệnh nhân |
|  | **Khu nhà D4** |  |
| 95 | Trung tâm Phục hồi chức năng | * Buồng bênh (tầng 1) * Buồng tiêm, buồng thủ thuật * Xưởng dụng cụ chỉnh hình * Nhà vệ sinh * Phòng hành chính, Phòng nhân viên * Phòng tri liệu (tầng 2) * Hành lang đi lại bên trong * Sân, cây cảnh sau phòng trị liệu * Sân bao quanh TT PHCN, cây cảnh và tường bao ngoài |
|  | **Khu nhà D5** |  |
| 96 | Trung tâm Đào tạo và chỉ đạo tuyến | * Phòng làm việc, hội trường, phòng họp * Nhà vệ sinh * Phòng sinh hoạt của nhân viên * Cầu thang, gầm cầu thang * Hành lang đi lại bên trong giữa các phòng * Tường bao ngoài toà nhà (cao 1,5 m xuống mặt đất) * Hàng cây trước cửa Trung tâm |
| 97 | Viện khoa học sức khoẻ, Viện Giám định y khoa | * Phòng làm việc * Nhà vệ sinh * Hành lang * Hàng cây trước cửa, cống, rãnh |
|  | **Khu nhà D6** |  |
| 98 | TT Bệnh nhiệt đới | * Buồng bệnh (tầng 1, 2, 3) * Phòng làm việc, hội trường tầng 4 * Khu vực tiếp đón tư vấn bệnh nhân * Phòng tiêm, phòng thủ thuật * Hành lang đi lại bên trong và hành lang bao bên ngoài * Phòng giao ban, phòng nhân viên tầng 1,2,3 * Nhà vệ sinh, cầu thang, gầm cầu thang * Kho chứa đồ * Sân trước và sân sau, cống, rãnh thoát nước và tường bao quanh toà nhà D6 |

*Ghi chú*:

+ Nhân viên giám sát:

\* Đối với khu vực Viện/Khoa/phòng (Khoa KSNK và nhân viên đơn vị được phun)

\* Đối với khu vực ngoại cảnh (Khoa KSNK và nhân viên bảo vệ hoặc nhân viên tại đơn vị của khu vực đó)

| **Bảng kê diện tích phun muỗi khu vực Bệnh viện** | | |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Khu vực** | **Diện tích thực hiện phun muỗi m2** |
|  |
| **Khu vực toà nhà A9** | |  |  |
| 1 | TT Cấp cứu A9 | 670 |  |
| 2 | Đơn nguyên Thận nhân tạo | 510 |  |
| **Khu vực toà nhà A10** | |  |  |
| 3 | TT Đột quỵ | 200 |  |
| **Khu vực toà nhà E** | |  |  |
| 4 | Khoa KSNK | 1 620 |  |
| 5 | Khu lưu giữ chất thải tập trung | 530 |  |
| **Khu vực toà nhà G** |  |  |  |
| 6 | Các bốt bảo vệ | 60 |  |
| 7 | Tổ xe - phòng HCQT | 50 |  |
| 8 | Bốt bảo vệ của nhà xe | 50 |  |
| **Khu vực nhà H** | |  |  |
| 9 | TT YHHN & UB (nhà cũ) | 2 340 |  |
| **Khu vực nhà K1** |  |  |  |
| 10 | 3 hầm để xe | 600 |  |
| 11 | Khám bệnh theo yêu cầu | 650 |  |
| **Khu vực nhà K2** |  |  |  |
| 12 | Khoa khám bệnh | 2 280 |  |
| **Khu vực nhà K3** |  |  |  |
| 13 | TT Chống Độc | 480 |  |
| **Khu vực toà nhà P** |  |  |  |
| 14 | Hội trường, phòng họp Bác sỹ | 130 |  |
| 15 | Khoa Nhi (2 đơn nguyên) | 200 |  |
| 16 | Căng tin nhà P – của hàng tiện ích | 850 |  |
| 17 | Khu vực phòng văn thư và trực lãnh đạo bệnh viện | 40 |  |
| 18 | Phòng họp số 1 và 2, phòng Lễ tân | 130 |  |
| 19 | Khu vực các phòng Ban Giám đốc, Văn phòng bệnh viện, Phòng KSNB | 60 |  |
| 20 | TT Điện quang (tầng 1 nhà P, các phòng khu nhà khám bệnh, hầm B1) | 690 |  |
| 21 | Khu vực nội soi tiêu hóa (tầng 2,3) | 210 |  |
| 22 | TT Tiêu hóa gan mật tụy (khu nội trú) | 260 |  |
| 23 | Khoa Cơ xương khớp | 260 |  |
| 24 | Phòng Kế hoạch tổng hợp | 90 |  |
| 25 | Khoa Ngoại tổng hợp | 260 |  |
| 26 | Khoa Phẫu thuật tiêu hóa gan mật tụy | 260 |  |
| 27 | Khoa GMHS (2 đơn nguyên) | 170 |  |
| 28 | Khu Hồi sức ngoại - GMHS | 50 |  |
| 29 | Đơn nguyên Thận tiết niệu | 260 |  |
| 30 | Phòng đẻ | 90 |  |
| 31 | Khoa Nội tiết | 260 |  |
| 32 | Khoa Phẫu thuật lồng ngực | 260 |  |
| 33 | Ngoại cảnh nhà P | 1 200 |  |
| **Khu vực toà nhà Q** |  |  |  |
| 34 | Khoa Dược (các Tổ hầm B2, tổ pha chế, kho huyết thanh dịch truyền, phát thuốc bảo hiểm) | 280 |  |
| 35 | Phòng Bảo vệ T1 nhà Q | 120 |  |
| 36 | Q1 Tim mạch | 130 |  |
| 37 | Q2 Tim mạch | 140 |  |
| 38 | Q3 - Phụ sản | 240 |  |
| 39 | Q5, 6 - Hồi sức tích cực | 240 |  |
| 40 | Q7 - Chấn thương chỉnh hình và cột sống | 260 |  |
| 41 | Q8 - Phẫu thuật tạo hình và thẩm mỹ | 130 |  |
| 42 | Q8 - Tai mũi họng và đơn nguyên nhà A | 400 |  |
| 43 | Q9 - Phẫu thuật thần kinh | 250 |  |
| 44 | Q10 - Trung tâm YHHN & UB | 250 |  |
| 45 | Q11 -Trung tâm YHHN & UB | 250 |  |
| 46 | Đơn vị Gen - TT YHHN | 120 |  |
| 47 | Q12 - Da liễu | 140 |  |
| 48 | Q13 - Hóa sinh | 230 |  |
| 49 | Q14 - Huyết học | 130 |  |
| 50 | Q15 - Vi sinh | 180 |  |
| 51 | Q16 - TT Giải phẫu bệnh | 120 |  |
| 52 | Các phòng CNTT | 120 |  |
| 53 | Q17,18 - Trung tâm Hô hấp | 460 |  |
| 54 | Ngoại cảnh nhà Q | 880 |  |
| **Khu vực toà nhà T** |  |  |  |
| 55 | Viện Sức khỏe tâm thần | 1 720 |  |
| 56 | Ngoại cảnh Viện Sức khỏe tâm thần | 1 210 |  |
| 57 | Khoa Thần kinh | 1 590 |  |
| 58 | Ngoại cảnh Khoa Thần kinh | 1 150 |  |
| **Khu vực toà nhà A1-A5** |  |  |  |
| 59 | TT Dị ứng miễn dịch lâm sàng | 840 |  |
| 60 | Khoa Răng hàm mặt | 410 |  |
| 61 | Khoa Đông y | 460 |  |
| 62 | Khoa Mắt | 380 |  |
| 63 | Ngoại cảnh khu nhà A | 1 270 |  |
| 64 | Phòng thanh toán viện phí phòng TCKT | 90 |  |
| **Khu vực toà nhà A11** |  |  |  |
| 65 | Hội trường quốc tế | 270 |  |
| 66 | TT Dinh dưỡng | 250 |  |
| 67 | Phòng Quản lý chất lượng, Phòng Công tác xã hội | 160 |  |
| 68 | Văn phòng dự án - Phòng HCQT | 50 |  |
| 69 | Ngoại cảnh tòa nhà A11 | 450 |  |
| **Khu vực toà nhà B1** |  |  |  |
| 70 | TT Huyết học truyền máu | 1 890 |  |
| **Khu vực toà nhà B2** |  |  |  |
| 71 | Tổ bảo vệ tầng 1 nhà Hành chính cũ | 1 650 |  |
| 72 | Phòng Vật tư thiết bị y tế |  |
| 73 | Văn phòng công đoàn |  |
| 74 | Phòng Tổ chức cán bộ |  |
| 75 | Phòng Hành chính quản trị |  |
| 76 | Phòng Tài chính kế toán |  |
| 77 | Kho lưu Hồ sơ bệnh án cũ |  |
| 78 | Phòng Điều dưỡng |  |
| 79 | Ngoại cảnh Hành chính cũ, tượng đài | 1 750 |  |
| **Khu vực nhà C** |  |  |  |
| 80 | C1 - Viện Tim mạch | 4 300 |  |
| 81 | C2 - Viện Tim mạch |  |
| 82 | C3 - Viện Tim mạch |  |
| 83 | C4 - Viện Tim mạch |  |
| 84 | C5 - Viện Tim mạch |  |
| 85 | Tim mạch can thiệp |  |
| 86 | C6 - Viện Tim mạch |  |
| 87 | C7 - Viện Tim mạch |  |
| 88 | C8 - Viện Tim mạch |  |
| 89 | C9 - Viện Tim mạch |  |
| 90 | Khám theo yêu cầu tim mạch |  |
| 91 | Ngoại cảnh Viện Tim mạch | 2 190 |  |
| **Khu vực nhà D1-D6** |  |  |  |
| 92 | Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai | 2 040 |  |
| 93 | TT Phục hồi chức năng | 1 950 |  |
| 94 | TT Bệnh nhiệt đới | 2 900 |  |
| 95 | TT Đào tạo và Chỉ đạo tuyến | 890 |  |
| 96 | Viện Khoa học sức khoẻ | 150 |  |
| 97 | Viện Giám định y khoa | 50 |  |
| 98 | **Tổ cơ khí điện nước** | 510 |  |
| 99 | **Tổ oxy thiết bị y tế** | 380 |  |
| 100 | **Nhà trạm biến áp Bạch Mai** | 310 |  |
|  | **Tổng cộng** | **52 100** |  |

**Danh sách các vị trí diệt chuột trong Bệnh viện**

| **TT** | **Đơn vị/khu vực diệt chuột** | **Vị trí đặt thuốc/bẫy diệt chuột** |
| --- | --- | --- |
|
| 1 | Ngoại cảnh Viện Tim mạch | - Dọc theo các bờ tường, lối đi khuất người bao ngoài Viện Tim mạch;  - Men theo các bãi cỏ, bồn cây, bồn hoa, sân vườn;  - Cống rãnh xung quanh tòa nhà Viện Tim mạch, họng rác từ phòng mổ tim và sân sau chứa rác của phòng can thiệp mạch và các hang tối (nếu có);  - Góc nhà/tường đặt để đồ dùng/thiết bị không sử dụng;  - Vị trí đặt các phương tiện thu gom chất thải. |
| 2 | Ngoại cảnh khu hành chính cũ và tượng đài | - Khu vực sân trước/sau nhà hành chính cũ dọc theo các bờ tường, hàng lan can, tượng đài  - Men theo các bãi cỏ, bồn cây, bồn hoa, sân vườn  - Cống rãnh xung quanh và các hang tối (nếu có)  - Trong các bốt của NV bảo vệ chính trị nội bộ |
| 3 | Bãi dâu | - Dọc theo chân tường toàn bộ khu vực sân bao quanh các nhà dân và Viện TMH trung ương, bãi đề thiết bị/vật tư hỏng chờ hủy;  - Các cống rãnh xung quanh và hang hốc;  - Gốc bụi cây. |
| 4 | Ngoại cảnh bãi đỗ ôtô sau TT Đào tạo chỉ đạo tuyến | - Dọc theo chân tường toàn bộ khu vực sân sau tòa nhà TT Đào tạo;  - Men theo các bồn cây, bồn hoa;  - Các nắp cống rãnh xung quanh và các hang hốc (nếu có). |
| 5 | Ngoại cảnh Viện Sức khỏe tâm thần (SKTT) | - Dọc theo chân tường sân trước cửa và sân sau giữa các toàn nhà đơn nguyên Viện SKTT, dọc chân tường bao quanh nhà thi đấu tennis;  - Men theo ngách nhỏ giữa tòa nhà và chân tường Viện Da liễu trung ương và khu vực nhà dân xung quanh;  - Men theo các bồn cây, bồn hoa, bụi cây;  - Các nắp cống rãnh xung quanh và các hang hốc (nếu có);  - Sau các thùng chất thải tại các điểm tập kết;  - Dọc các mái tôn trần nhà. |
| 6 | Ngoại cảnh khoa Thần kinh | - Dọc theo chân tường sân trước cửa và sân sau tòa nhà;  - Men theo hàng cây hoa cảnh trước sân khoa;  - Dọc chân tường quanh các tòa nhà đơn nguyên;  - Sân cây sung sau khoa Thần kinh và khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn;  - Sau các thùng chất thải tại điểm tập kết chất thải đầu hồi khoa;  - Các nắp cống rãnh xung quanh và các hang hốc (nếu có). |
| 7 | Ngoại cảnh nhà P | - Men theo các bồn cây hoa cảnh cửa số 1, 2, 3, 4, đài phun nước và dọc bồn cây trước phòng văn thư, văn phòng bệnh viện và các phòng phó giám đốc;  - Dọc theo chân tường tòa nhà P;  - Sân sau khoa Nhi và nhà Q;  - Đầu hồi khoa Nhi giáp Tổ oxy thiết bị y tế nơi tập kết chất thải;  - Các nắp cống rãnh xung quanh và các hang hốc (nếu có). |
| 8 | Ngoại cảnh nhà Q | - Men theo hàng cây cảnh, chân tường bao quanh và hành lang ngoài sảnh trước cửa nhà Q;  - Sân sau nhà Q, khu vực sân sau trạm biến áp Điện Bách Khoa. |
| 9 | Ngoại cảnh khu nhà A | - Men theo chân tường, các cống thoát nước bề mặt khu sân sau nhà A;  - Nắp cống, rãnh xung quanh và hang hốc khô, sâu;  - Trong bãi cỏ, gốc cây cảnh;  - Chân tường bao quanh khu nhà A. |
| 10 | Ngoại cảnh khu nhà A11 | - Men theo các bồn cây cảnh, gốc cây trước cửa tòa nhà;  - Dọc theo chân tường xung quanh tòa nhà, góc nhà khu vực nhà vệ sinh công cộng;  - Gầm góc cầu thang máy, cạnh nhà vệ sinh công cộng. |
| 11 | Tổ sửa chữa - phòng Hành chính quản trị | - Sân vườn, ngóc ngách bao quanh Tổ sửa chữa  - Vườn sau nhà kho chứa đồ (giáp với Bể 800m3 Viện TM);  - Trong kho đồ, kho sửa chữa;  - Dọc chân tường bao ngoài nhà kho, nhà sửa chữa các đồ dùng, thiết bị. |
| 12 | Nhà trạm biến áp Bạch Mai | - Góc nhà trong phòng hành chính;  - Trong góc buồng đặt các thiết bị điện, hầm;  - Các nắp cống/rãnh thoát nước mưa bên ngoài trạm điện;  - Dọc chân tường bao ngoài trạm biến áp. |
| 13 | Khu lưu giữ chất thải tập trung | - Dọc chân tường sân tiếp nhận chất thải thông thường và trong góc các kho CTTC, kho CT nguy hại, sau các thùng chất thải (CT);  - Dọc chân tường sau khu xử lý thùng kháng thủng;  - Bao ngoài phòng sinh hoạt chung, nhà vận hành hệ thống xử lý nước thải;  - Chân tường bao quanh khuôn viên, tiếp giáp nhà dân;  - Gần các nắp cống rãnh;  - Bãi cỏ cây hoa. |
| 14 | Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn | - Các ngóc ngách, nóc tủ, gầm tủ trong phòng làm việc, kho đồ và nhà vệ sinh, nhà tắm, gầm góc cầu thang trong khu vực các Tổ (Lò hơi, TK1, HC-KSNK, Hóa chất, Đồ vải, tầng 1 khu nhà giặt cũ);  - Men theo hàng cây cảnh trước sân khoa;  - Ngóc ngách, dọc chân tường bao ngoài khoa KSNK và phía sau khu nhà giặt cũ;  - Sân trên tầng 3. |
| 15 | Tòa nhà D2 TT Truyền nhiễm | - Ngóc ngách, góc phòng, nóc tủ các phòng làm việc, nhà vệ sinh, cầu thang, gầm cầu thang, các phòng;  - Men theo chân tường bao ngoài tòa nhà, giáp với nhà dân. |
| 16 | Trung tâm (TT) Đào tạo và chỉ đạo tuyến | - Ngóc ngách, gầm tủ, nóc tủ các phòng làm việc, hội trường, phòng họp, kho đồ, gầm cầu thang’  - Góc trong nhà vệ sinh, gờ tường, sau các thùng chất thải’  - Phòng sinh hoạt chung của nhân viên’  - Men theo hàng cây trước cửa TT, dọc chân tường bao quanh tòa nhà. |
| 17 | Tòa nhà trường Cao đẳng y tế Bạch mai | - Gầm góc tủ, bàn và nóc tủ trong các phòng học (tầng 2 đến tầng 6), phòng giáo vụ, phòng đào tạo, các phòng thực hành, phòng thư viện;  - Góc trong các nhà vệ sinh, gầm góc cầu thang;  - Men theo hành lang đi lại bên trong;  - Phía sau các chậu cây, thùng chất thải. |
| 18 | TT dinh dưỡng | - Gầm góc tủ, bàn và nóc tủ các phòng làm việc, phòng tư vấn khám bệnh nhân tại tầng 4, phòng lưu mẫu tầng 3 và phòng phát đồ ăn tầng 1 nhà 4 tầng này;  - Gầm ghế, chậu cây cảnh cuối hành lang;  - Góc trong các nhà vệ sinh, sau thùng chất thải, dọc cầu thang bộ. |
| 19 | Các phòng hội trường (HT) BV (HT quốc tế, HT lớn) | - Góc tường trong hội trường, sau rèm cánh gà, gầm các bàn ghế;  - Góc trong nhà vệ sinh, sau các thùng chất thải;  - Dọc chân tường bao ngoài hội trường. |
| 20 | Tầng 4 nhà 4 tầng (Tổ QLCL, phòng Công tác xã hội) | - Gầm góc tủ, góc khuất bàn/chân tường phòng làm việc, phòng giao ban;  - Góc thùng chất thải, tủ đồ nhà vệ sinh. |
| 21 | TT Phục hồi chức năng | - Gầm giường, bàn đêm trong các buồng bệnh;  - Góc nhà vệ sinh và sau các thùng CT;  - Gầm tủ, bàn, nóc tủ phòng hành chính, nhân viên, phòng điện (tầng 2), các phòng thủ thuật/chức năng;  - Dọc chân tường hành lang đi lại bên trong, ban công, máng thoát nước trên tầng;  - Giáp chân tường sân trước và sân sau bao quanh và sân giữa TT;  - Sau các thùng CT điểm tập kết CT ngoài sân;  - Trong các bụi cây, cỏ ngoại cảnh. |
| 22 | TT Bệnh Nhiệt Đới | - Gầm giường/bàn đêm trong các BB (tầng 1, tầng 2, tầng 3), ban công;  - Toàn bộ khu vực tầng 4;  - Trong gầm, góc tủ, bàn, nóc tủ các phòng nhân viên, hành chính;  - Góc tường, gầm tủ, bàn, nóc tủ phòng siêu âm, các phòng tiêm các tầng;  - Gầm bàn quầy khu vực tiếp đón, khám tư vấn bệnh nhân;  - Trong phòng và sân khu vực khám và điều trị bệnh nhân ngoại trú;  - Men theo hành lang đi lại bên trong và hành lang bao ngoài tòa nhà, bãi gỗ vật liệu xây dựng đầu hồi giáp Viện TM ;  - Góc trong, ô thoáng, gờ tường nhà vệ sinh, sau các thùng chất thải;  - Nắp cống rãnh thoát nước, ngách tường phía sau giáp nhà dân. |
| 23 | TT Y học hạt nhân và Ung bướu (nhà H ) | - Gầm giường, bàn đêm trong các BB, phòng tiêm (tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4), ban công;  - Gầm/nóc tủ, bàn trong khu vực hành chính: phòng tiếp đón, các phòng khám tư vấn, phòng hành chính, phòng nhân viên, phòng thanh toán viện phí;  - Góc trong các nhà vệ sinh, sau thùng CT;  - Khu vực giếng trời cây cảnh và bồn nước tầng 1;  - Men theo cầu thang, gầm cầu thang;  - Hành lang đi lại bên trong giữa các tầng và hành lang bao ngoài các tầng;  - Dọc các bụi cây cảnh và chân tường bao quanh TT. |
| 24 | Khoa khám bệnh K2 | - Phía sau chân tường, dưới gầm/góc bàn, tủ, ghế, bàn quầy các phòng khám, phòng thực hiện thủ thuật của 4 tầng;  - Men theo chân tường ban công các phòng;  - Sau các tủ đồ, bàn thuộc các phòng hành chính, phòng nhân viên, phòng ăn, quầy thanh toán, tiếp đón, dưới các chậu cây, trong các kho đồ;  - Dưới gầm góc trong các nhà vệ sinh, sau thùng chất thải, cầu thang, gầm cầu thang;  - Chân tường, các khe kẽ, ngóc ngách, sân, nắp cống rãnh thoát nước, khu vực các đồ thiết bị hỏng bao ngoài tòa nhà. |
| 25 | Tòa nhà khoa Khám theo yêu cầu (nhà K1) | - Phía sau chân tường, dưới gầm/góc bàn, tủ, ghế, bàn quầy các phòng khám, phòng thực hiện thủ thuật;  - Men theo chân tường ban công;  - Sau các tủ đồ, bàn thuộc các phòng hành chính, phòng nhân viên, phòng ăn, quầy thanh toán, tiếp đón, dưới các chậu cây cảnh;  - Dưới gầm góc trong các nhà vệ sinh, sau thùng chất thải, cầu thang, gầm cầu thang;  - Chân tường, các khe kẽ, ngóc ngách, sân, nắp cống rãnh thoát nước. |
| 26 | Viện Sức khỏe tâm thần | - Gầm giường/bàn đêm, góc khuất tủ lạnh trong các buồng bệnh;  - Trong gầm, góc tủ/bàn, nóc tủ các phòng nhân viên, hành chính, phòng tiêm, phòng máy, và các phòng chức năng, kho đồ vải;  - Góc tường, gầm tủ, nóc tủ các kho đồ dưới gầm cầu thang;  - Gầm bàn quầy khu vực tiếp đón, khám tư vấn bệnh nhân;  - Góc khuất, ô thoáng trong nhà vệ sinh, sau các thùng CT và tại điểm tập kết CT. |
| 27 | TT Thần kinh (TK):  TK cấp cứu | - Gầm giường/bàn đêm, góc khuất tủ đồ trong các BB, phòng tiêm  - Trong gầm, góc tủ/bàn, nóc tủ các phòng nhân viên, hành chính, hội trường, kho đồ vải  - Góc tường, gầm tủ, nóc tủ các kho đồ dưới gầm cầu thang và các góc khuất  - Gầm bàn quầy và trong khu vực tiếp đón, khám tư vấn bệnh nhân  - Góc khuất, ô thoáng trong nhà vệ sinh, sau các thùng CT và tại điểm tập kết CT |
| TK tai biến |
| TK trẻ em và động kinh |
| Phòng khám TK |
| T2 TK |
| T3 TK |
| 28 | Các phòng thuộc Ban Quản lý dự án cũ (HCQT) | Phòng khu tầng 2 điểm thanh toán viện phí khoa thần kinh  - Gầm/góc khuất bàn/tủ, chân tường phía sau các tủ đồ/tài liệu;  - Men theo hành lang ngoài và dưới gầm cầu thang. |
| 29 | Các Tổ thanh toán viện phí - phòng TCKT | - Gầm/góc khuất bàn/tủ, chân tường phía sau các tủ đồ/tài liệu tại các địa điểm thanh toán;  - Men theo chân tường, góc khuất, cống rãnh hành lang ngoài và dưới gầm cầu thang và khu lưu giữ tài liệu các tổ thanh toán. |
| 30 | Canteen nhà P | - Men theo các hàng cây cảnh, gốc cây sân vườn cây bên ngoài và gần các rãnh thoát nước, nắp cống, hang hốc (nếu có);  - Chân tường bao giáp thang máy vận chuyển chất thải nhà P;  - Hành lang đi lại phía sau tổ Đấu thầu;  - Gầm/góc tủ/bàn khu bếp chế biến thực phẩm |
| 31 | Khoa Nhi (2 đơn nguyên) | - Dưới gầm bàn quầy tiếp đón bệnh nhân, hội trường;  - Trong góc khuất nhà vệ sinh/nhà tắm;  - Dưới gầm/nóc các tủ đồ của phòng HSSV, tủ người nhà bệnh nhân;  - Chân tường bao hành lang bên ngoài toàn bộ khoa (hàng cây trước cửa số 4, đầu hồi Tổ oxy, sân sau giữa khoa và nhà Q). |
| 32 | Khoa Dược (hầm B2, các kho huyết thanh, dịch truyền, phát thuốc bảo hiểm, pha chế dược) | - Hầm B2: dưới chân giá kệ để thuốc trong các kho, buồng đường uống nước hố ga, nhà vệ sinh, gầm cầu thang, phía sau các tủ tài liệu, nóc tủ, gầm tủ, gầm bàn;  - Kho huyết thanh: dưới gầm các giá để thùng carton dịch huyết thanh, chân tường giá các kệ;  - Khu vực pha chế thuốc: gầm bàn/tủ, nóc tủ, sau các tủ kệ đồ, nhà vệ sinh, gầm cầu thang;  - Phòng HC dược và dược lâm sàng: gầm/nóc tủ;  - Phòng phát thuốc bảo hiểm (tầng 1 – khoa Khám bệnh): dưới gầm tủ/kệ thuốc, gầm bàn. |
| 33 | TT Điện quang (tầng 1 nhà P, khu vực khoa Khám bệnh, tầng hầm nhà Q) | - Gầm các bàn chụp bên ngoài phòng chụp;  - Gầm/nóc tủ, gầm bàn ghế, góc khuất trong phòng, chân tường phía sau các tủ tài liệu/máy lạnh hòng hành chính, phòng nhân viên;  - Các gầm bàn hành lang đi lại bên trong  (Cả khu vực chụp XQ-Tầng 2 khoa Khám bệnh). |
| 34 | Tầng 1 nhà P dãy phòng họp số 1 và 2, Phòng Lễ tân, KSNB | - Men chân tường hành lang bao ngoài các phòng khu vực Ban Giám đốc, Phòng lễ tân, các phòng họp số 1 và số 2;  - Gầm/nóc tủ, gầm bàn ghế, góc khuất trong phòng, chân tường phía sau các tủ tài liệu/máy lạnh. |
| 35 | Khu vực Văn phòng BV | - Men chân tường hành lang bao ngoài, dọc các bồn cây trước cửa các phòng;  - Gầm/nóc tủ, gầm bàn ghế, góc khuất trong phòng, chân tường phía sau các tủ tài liệu. |
| 36 | Các phòng Ban giám đốc | - Men chân tường hành lang bao ngoài, dọc các bồn cây trước cửa các phòng; |
| 37 | Khu vực nội soi tiêu hóa (tầng 2,3 nhà P) | - Khu vực bên trong các buồng/phòng của khoa: góc khuất chân tường, gầm các tủ, gầm bàn/ghế, tủ tài liệu trong khu vực hành chính, phòng nhân viên, gầm/góc phòng xử lý dụng cụ;  - Gầm bàn quầy tiếp đón BN, chân các ghế chờ, man chân tường hành lang, ban công;  - Sau các thùng chất thải NVS. |
| 38 | Khoa Cơ xương khớp | - Gầm góc bàn, góc khuất chân tường, phía sau các tủ tài liệu, máy móc, nóc tủ đồ khu hành chính: quầy tiếp đón, hội trường, phòng giao ban, phòng nhân viên;  - Sau các tủ đồ, giá kệ trong buồng tiêm, buồng thủ thuật;  - Sau các thùng chất thải nhà vệ sinh, điểm tập kết chất thải cuối hành lang khoa, sau các chậu cây cảnh hành lang đi lại;  - Men chân tưởng hành lang bao ngoài. |
| 39 | TT Tiêu hóa gan mật tụy (khu nội trú) | - Gầm góc bàn đêm/giường trong các buồng bệnh, buồng cấp cứu;  - Gầm góc bàn/tủ khu hành chính: phòng giao ban, hội trường, phòng nhân viên, phòng trực, kho đồ vải;  - Góc khuất và phía sau thùng chất thải nhà vệ sinh;  - Men chân tường hành lang bao ngoài, góc khuất dưới các kệ đồ của người bệnh ngoài ban công;  - Sau các bồn cây, dưới gầm các tủ hành lang đi lại bên trong. |
| 40 | Phòng KHTH | - Gầm bàn/tủ, góc khuất chân tường trong các phòng và sau các chậu cây cảnh ngoài ban công, dưới các chậu cây cảnh |
| 41 | TT Phẫu thuật tiêu hóa gan mật tụy | - Gầm các bàn đêm, men chân tường ngoài ban công các buồng bệnh, buồng thủ thuật, phòng chứa dịch;  - Dưới gầm bàn, sau các tủ đồ quầy tiếp đón bệnh nhân, phòng hành chính giao ban phòng nhân viên, ban công bên ngoài các phòng này;  - Gầm góc giá/kệ trong kho đồ vải;  - Trong góc khuất nhà vệ sinh/nhà tắm, sau các thùng chất thải điểm tập kết, sau các chậu cây cảnh. |
| 42 | Hồi sức ngoại | - Gầm góc các tủ đồ, bàn trong phòng giao ban, nhân viên, quầy theo dõi;  - Men chân tường hành lang bao ngoài, sau các thùng chất thải nhà vệ sinh, điểm tập kết chất thải;  - Gầm các tủ/giá kệ trong phòng xử lý dụng cụ, hành lang đồ vải bẩn. |
| 43 | GMHS (tầng 4 – nhà P và tầng 4 nhà Q) | - Gầm/phía sau các tủ đồ phòng nhân viên, quầy tiếp đón/hành chính, khu vực thay đồ, nhà tắm;  - Góc khuất chân tường khu vực đồ bẩn và sau các thùng chất thải điểm tập kết cuối hành lang;  - Dưới các chậu cảnh ngoài ban công;  - Gầm góc khuất trong kho thiết bị/máy móc (nhà P). |
| 44 | Đơn nguyên (ĐN) Thận tiết niệu - TT Thận Tiết niệu và Lọc máu | - Gầm góc bàn đêm/giường, chân trường khuất sau các tủ trong các buồng bệnh, buồng thủ thuật, buồng chạy thận, gầm góc bàn tủ ngoài buồng hậu phẫu ghép thận;  - Gầm góc bàn, tủ, nóc tủ khu hành chính: quầy phòng xét nghiệm, khám tư vấn, phòng giao ban, phòng nhân viên, kho đồ vải;  - Góc khuất và phía sau thùng chất thải nhà vệ sinh và điểm tập kết chất thải hành lang;  - Men chân tường hành lang đi lại bên ngoài, gầm góc khuất các kệ đồ người bệnh ngoài ban công;  - Sau các bồn cây, dưới gầm các tủ đồ hành lang đi lại bên trong; |
| 45 | Khoa Nội tiết | - Gầm góc bàn đêm/giường, chân trường khuất sau các tủ trong các buồng bệnh, buồng thủ thuật, buồng siêu âm tuyến giáp;  - Gầm góc bàn, tủ, nóc tủ khu hành chính: bàn quầy xét nghiệm, đón tiếp BN, phòng giao ban, phòng nhân viên, kho đồ vải;  - Góc khuất và phía sau thùng chất thải nhà vệ sinh, điểm tập kết chất thải;  - Men theo hành lang đi lại bên ngoài, dưới các kệ đồ của người bệnh ngoài ban công;  - Sau các bồn cây, dưới gầm các tủ hành lang đi lại bên trong;  - Men theo chân tường hành lang, ban công bao ngoài. |
| 46 | Khoa Mắt | - Gầm bàn đêm/tủ đồ trong buồng khám thị lực, phòng hành chính, gầm cầu thang, bàn quầy tiếp đón và thanh toán viện phí;  - Men chân tường hành lang bao ngoài phía trước khoa, các bồn cây cảnh;  - Sau các thùng chất thải nhà vệ sinh. |
| 47 | Khoa Phẫu thuật lồng ngực | - Góc khuất và phía sau thùng chất thải và giá để bô trong nhà vệ sinh chung, điểm tập kết chất thải;  - Men chân tường hành lang bao ngoài ban công, phía sau các tủ đồ của BN trước cửa buồng bệnh. |
| 48 | Hành lang đi lại trong nhà P | - Gầm góc bàn/ghế quầy bảo vệ các cửa số 1, số 2, số 4, trực thang máy tầng 1;  - Chân tường, sau các thùng chất thải khu vực thang máy vận chuyển chất thải từ tầng 1 đến tầng 6;  - Kho đồ của Công ty VSCN Hoàn Mỹ;  - Sau các thùng chất thải trong các nhà vệ sinh công cộng, dưới các bồn cây cảnh. |
| 49 | ĐN Thận nhân tạo - TT Thận Tiết niệu và Lọc máu A9 | - Dọc ban công bên ngoài dãy buồng bệnh (tầng 3 và tầng 4);  - Gầm tủ, góc khuất trong buồng thủ thuật, khu vực xử lý dây quả lọc thận;  - Gầm bàn, tủ, chân tường phía sau các tủ đồ khu hành chính: phòng nhân viên, hội trường, phòng khách;  - Góc khuất và phía sau thùng chất thải các nhà vệ sinh và dọc hành lang điểm tập kết chất thải, khu vực can dịch lọc thận và các thùng bìa carton;  - Men theo cầu thang;  - Hành lang đi lại bên trong và hành lang bao ngoài khu vực ĐN. |
| 50 | TT Chống Độc | - Gầm tủ, góc khuất, chân tường phía sau các tủ đồ các phòng nhân viên, hội trường, quầy tiếp đón, phòng hành chính  - Góc khuất và phía sau thùng chất thải các nhà vệ sinh  - Men theo cầu thang  - Gầm bàn/tủ/ghế các phòng xét nghiệm, tư vấn, phía sau các tủ hành lang đi lại trong |
| 51 | TT Cấp cứu A9 (bao gồm cả ĐN cấp cứu ngoại khu nhà A) | - Gầm các máy móc, bàn phòng nhân viên;  - Dưới chân hàng cây cảnh bao quanh khoa, cống rãnh khô ráo, hang hốc (nếu có) trước và sau khoa, trạm khí đầu hồi khoa  - Góc khuất, gầm giá tủ kệ kho vật tư, phòng máy và kho dịch/xử lý dụng cụ;  - Sau các thùng chất thải nhà vệ sinh, điểm tập kết chất thải và đồ vải bẩn ngoài hành lang; |
| 52 | C1 – Viện Tim mạch | - Gầm góc khuất các tủ đồ phòng lưu giữ máy móc, thiết bị;  - Gầm bàn khu vực phòng nhân viên, kho đồ vải;  - Sau các thùng chất thải nhà vệ sinh;  - Men chân tường hành lang ngoài, khu vực lưu giữ chất thải/đồ vải bẩn, giáp NVS công cộng. |
| 53 | C2 – Viện Tim mạch | - Gầm góc khuất các tủ đồ phòng lưu giữ máy móc, thiết bị, buồng tiêm;  - Gầm bàn khu vực phòng nhân viên, kho đồ vải  - Sau các thùng chất thải nhà vệ sinh;  - Men chân tường hành lang ngoài, khu vực lưu giữ chất thải/đồ vải bẩn. |
| 54 | C3 – Viện Tim mạch | - Gầm góc khuất các tủ đồ phòng lưu giữ thiết bị/tủ thuốc vật tư tiêu hao, buồng tiêm;  - Gầm bàn khu vực phòng nhân viên, kho đồ vải  - Sau các thùng chất thải nhà vệ sinh;  - Men chân tường hành lang ngoài, khu vực lưu giữ chất thải. |
| 55 | C4 – Viện Tim mạch | - Gầm góc khuất các tủ đồ phòng lưu giữ máy móc, thiết bị, buồng tiêm;  - Gầm bàn khu vực phòng nhân viên, kho đồ vải  - Sau các thùng chất thải nhà vệ sinh;  - Men chân tường hành lang ngoài, khu vực lưu giữ chất thải/đồ vải bẩn. |
| 56 | C5 – Viện Tim mạch | - Gầm góc khuất các tủ đồ phòng lưu giữ máy móc, thiết bị, buồng tiêm;  - Gầm bàn khu vực phòng nhân viên, kho đồ vải  - Sau các thùng chất thải nhà vệ sinh;  - Men chân tường hành lang ngoài, khu vực lưu giữ chất thải/đồ vải bẩn. |
| 57 | C6 – Viện Tim mạch | - Gầm góc khuất các tủ đồ phòng lưu giữ máy móc, thiết bị, buồng tiêm;  - Gầm bàn khu vực phòng nhân viên, kho đồ vải  - Sau các thùng chất thải nhà vệ sinh;  - Men chân tường hành lang ngoài, khu vực lưu giữ chất thải/đồ vải bẩn. |
| 58 | C7 – Viện Tim mạch | - Gầm góc khuất các tủ đồ phòng lưu giữ máy móc, thiết bị, buồng tiêm;  - Gầm bàn khu vực phòng nhân viên, kho đồ vải  - Sau các thùng chất thải nhà vệ sinh;  - Men chân tường hành lang ngoài, khu vực lưu giữ chất thải/đồ vải bẩn. |
| 59 | C8 – Viện Tim mạch | - Khu vực buồng bệnh thường: gầm góc khuất các tủ đồ khu vực phòng nhân viên, hành chính; men chân tường hành lang ngoài, khu vực lưu giữ chất thải;  - Khu vực hậu phẫu: gầm góc khuất phòng xử lý đồ bẩn sau buồng hậu phẫu, họng chuyển rác thải xuống. |
| 60 | C9 – Viện Tim mạch | - Gầm góc khuất các tủ đồ phòng lưu giữ máy móc, thiết bị, buồng tiêm;  - Gầm bàn khu vực phòng nhân viên, kho đồ vải  - Sau các thùng chất thải nhà vệ sinh;  - Men chân tường hành lang ngoài, khu vực lưu giữ chất thải/đồ vải bẩn. |
| 61 | Khám theo yêu cầu tim mạch - Viện Tim mạch | - Gầm bàn, ghế quầy tiếp đón;  - Sau các thùng chất thải nhà vệ sinh, sau các bồn cây;  - Men chân tường, góc khuất hành lang đi lại. |
| 62 | Tim mạch can thiệp | - Gầm bàn, tủ đồ, góc khuất trong khu vực nhân viên, phòng ăn, phòng hành chính;  - Gầm góc các giá kệ kho đồ;  - Gầm góc tủ/giá kệ phòng xử lý dụng cụ can thiệp, sau các thùng chất thải sân tập kết chất thải. |
| 63 | Khoa RHM | - Gầm giường/bàn đêm, tủ đồ trong các buồng bệnh, phòng khám ngoại trú;  - Gầm tủ/bàn phòng nhân viên, hành chính, kho đồ;  - Gầm bàn quầy khu vực tiếp đón, khám tư vấn;  - Men chân tường hành lang đi lại bên trong và hành lang bao ngoài, cống rãnh khô;  - Sau các thùng chất thải nhà vệ sinh. |
| 64 | Khoa TMH nhà A5 | - Gầm giường/bàn đêm, tủ đồ trong các buồng bệnh;  - Gầm tủ/bàn phòng nhân viên, hành chính, kho đồ;  - Gầm bàn quầy khu vực tiếp đón, khám tư vấn;  - Men chân tường hành lang đi lại bên trong và hành lang bao ngoài, cống rãnh khô;  - Sau các thùng chất thải nhà vệ sinh. |
| 65 | Khoa Đông y | - Gầm bàn đêm/tủ đồ trong các buồng bệnh, phòng hành chính, chân cầu thang cuối hành lang;  - Gầm bàn quầy khu vực tiếp đón, thanh toán viện phí;  - Ban công phía ngoài các buồng bệnh, mái tôn phía ngoài ban công;  - Sau các thùng chất thải nhà vệ sinh, chậu cây cảnh. |
| 66 | TT Dị ứng miễn dịch lâm sàng | - Gầm bàn đêm/tủ đồ trong các buồng bệnh, phòng hành chính, khám tư vấn, buồng nhân viên;  - Gầm bàn quầy khu vực tiếp đón, thanh toán viện phí;  - Men hành lang ban công phía ngoài các buồng bệnh, mái tôn phía ngoài ban công;  - Sau các thùng chất thải nhà vệ sinh. |
| 67 | TT Huyết học truyền máu (nhà 4 tầng cũ) | - Gầm bàn đêm/tủ đồ trong các buồng bệnh, buồng thủ thuật, buồng vật tư tiêu hao;  - Gầm tủ/bàn phòng nhân viên, hành chính, kho đồ;  - Gầm bàn quầy khu vực tiếp đón, khám tư vấn, quầy thanh toán viện phí;  - Men chân tường hành lang đi lại bên trong và hành lang bao ngoài, nắp cống rãnh;  - Sau các thùng chất thải nhà vệ sinh. |
| 68 | Phòng Vật tư TBYT | - Gầm góc khuất các khu vực lưu giữ máy móc/thiết bị;  - Men chân tường hành lang đi lại bên ngoài. |
| 69 | Tổ Bảo vệ | - Gầm tủ/bàn/ghế phòng nhân viên;  - Sau thùng chất thải NVS;  - Men hành lang đi lại bên trong, ngoài. |
| 70 | Các phòng, cầu thang tầng 1 nhà HC cũ | - Gầm góc cầu thang;  - Phía sau các tủ đồ, gầm bàn, ghế, thùng chất thải. |
| 71 | Văn phòng công đoàn | Gầm tủ/bàn phòng nhân viên. |
| 72 | Phòng TCCB | - Ban công bên ngoài;  - Sau thùng chất thải NVS. |
| 73 | Phòng HCQT | Men chân tường hành lang đi lại bên ngoài |
| 74 | Phòng Điều dưỡng (Tầng 3) | - Gầm tủ/bàn phòng nhân viên;  - Sau chậu cây cảnh;  - Sau thùng chất thải NVS. |
| 75 | Các phòng TCKT (tầng 2,3) | - Gầm tủ/bàn tài liệu trong các phòng nhân viên làm việc;  - Sau chậu cây cảnh;  - Sau thùng chất thải NVS. |
| 76 | Tổ Kế hoạch-đào tạo, thống kê - phòng KHTH | - Gầm tủ/bàn tài liệu trong các phòng nhân viên làm việc;  - Sau chậu cây cảnh;  - Sau thùng chất thải NVS. |
| 77 | Kho lưu giữ HSBA cũ | - Men chân tường hành lang đi lại bên trong. |
| 78 | Phòng Điều dưỡng trưởng BV | * Gầm góc tủ trong các phòng nhân viên, hành chính * Xung quanh hành lang trong, sau các thùng chất thải nhà vệ sinh nhân viên. |
| 79 | Tầng 1 nhà Q, Phòng Công nghệ thông tin, Phòng bảo vệ | - Gầm góc bàn/tủ trong các phòng nhân viên  - Gầm các bàn quầy nhân viên trực thang máy bách khoa, dưới các chậu cây cảnh, góc khuất chân tường hành lang đi lại bên trong;  - Gầm các ghế chờ khu vực khám ngoại trú;  - Sau các thùng chất thải nhà vệ sinh nhân viên. |
| 80 | Q1, Q2 Tim mạch | - Gầm các bàn khu vực tiếp đón BN;  - Sau các thùng chất thải điểm tập kết hành lang, NVS, dưới các chậu cây cảnh;  - Gầm góc tủ trong các phòng nhân viên, hành chính, kho đồ vải, kho đồ của nhân viên Hoàn Mỹ;  - Buồng đường ống nước;  - Men chân tường ban công hành lang 2 đầu. |
| 81 | Q3 - Khoa Sản và buồng đẻ | - Gầm các bàn khu vực tiếp đón BN;  - Buồng đường ống nước;  - Sau các thùng chất thải NVS, tại điểm tập kết chất thải, sau các bồn cây cảnh, men chân tường ban công 2 đầu;  - Gầm góc tủ trong phòng nhân viên buồng đẻ và men chân tường hành lang bao quanh;  - Gầm giá kệ, tủ buồng xử lý dụng cụ, buồng máy móc/thiết bị/vật tư tiêu hao;  - Kho đồ của VS Hoàn Mỹ. |
| 82 | Q5,6 - Khoa HSTC | - Gầm các bàn khu vực tiếp đón BN, quầy thanh toán viện phí, phòng giao ban;  - Sau các thùng chất thải tại điểm tập kết cuối hành lang, nhà vệ sinh, men chân tường ban công 2 đầu, sân bên ngoài tầng 5;  - Gầm giá kệ, tủ buồng xử lý dụng cụ, lưu đồ vải bẩn, buồng vật tư thiết bị tiêu hao;  - Buồng đường ống nước. |
| 83 | Q7 - Chấn thương chỉnh hình | - Gầm các bàn khu vực tiếp đón BN;  - Buồng đường ống nước;  - Sau các thùng chất thải NVS, tại điểm tập kết chất thải, sau các bồn cây cảnh, men chân tường ban công 2 đầu;  - Gầm giá kệ, tủ buồng xử lý dụng cụ, buồng máy móc/thiết bị/vật tư tiêu hao;  - Kho đồ của VS Hoàn Mỹ. |
| 84 | Q8 - Phẫu thuật tạo hình và thẩm mỹ | - Gầm các bàn khu vực tiếp đón BN;  - Buồng đường ống nước;  - Sau các thùng chất thải NVS, tại điểm tập kết chất thải, sau các bồn cây cảnh, men chân tường ban công 2 đầu;  - Gầm giá kệ, tủ buồng xử lý dụng cụ, buồng máy móc/thiết bị/vật tư tiêu hao;  - Kho đồ của VS Hoàn Mỹ. |
| 85 | Q8 - Khoa TMH | - Gầm bàn đêm/tủ đồ trong các buồng bệnh, buồng khám tư vấn, các buồng thủ thuật, nội soi;  - Gầm tủ/bàn phòng nhân viên, hành chính, kho đồ;  - Gầm bàn quầy khu vực tiếp đón, khám tư vấn, quầy thanh toán viện phí;  - Men chân tường hành lang đi lại bên trong và hành lang bao ngoài, nắp cống rãnh, hàng cây, bãi cỏ (khu nhà A);  - Sau các thùng chất thải nhà vệ sinh. |
| 86 | Q9 – Phẫu thuật thần kinh | - Gầm các bàn khu vực tiếp đón BN;  - Buồng đường ống nước;  - Sau các thùng chất thải NVS, tại điểm tập kết chất thải, sau các bồn cây cảnh, men chân tường ban công 2 đầu;  - Gầm giá kệ, tủ buồng xử lý dụng cụ, buồng máy móc/thiết bị/vật tư tiêu hao;  - Kho đồ của VS Hoàn Mỹ. |
| 87 | Q10 – TT YHHN & UB | - Gầm các bàn khu vực tiếp đón BN;  - Buồng đường ống nước;  - Sau các thùng chất thải NVS, tại điểm tập kết chất thải, sau các bồn cây cảnh, men chân tường ban công 2 đầu;  - Gầm giá kệ, tủ buồng xử lý dụng cụ, buồng máy móc/thiết bị/vật tư tiêu hao;  - Kho đồ của VS Hoàn Mỹ. |
| 88 | Q11 – TT YHHN & UB | - Gầm các bàn khu vực tiếp đón BN;  - Buồng đường ống nước;  - Sau các thùng chất thải NVS, tại điểm tập kết chất thải, sau các bồn cây cảnh, men chân tường ban công 2 đầu;  - Gầm giá kệ, tủ buồng xử lý dụng cụ, buồng máy móc/thiết bị/vật tư tiêu hao;  - Kho đồ của VS Hoàn Mỹ. |
| 89 | Q12 – Khoa Phẫu thuật tiết niệu | - Gầm các bàn khu vực tiếp đón BN;  - Buồng đường ống nước;  - Sau các thùng chất thải NVS, tại điểm tập kết chất thải, sau các bồn cây cảnh, men chân tường ban công 2 đầu;  - Gầm giá kệ, tủ buồng xử lý dụng cụ, buồng máy móc/thiết bị/vật tư tiêu hao; |
| 90 | Q12 - Khoa Da liễu | - Gầm/góc giường, bàn đêm, chân tường phía sau các tủ đồ trong buồng bệnh, phòng thanh toán, phòng tái khám, phòng tiêm, phòng XN nấm, kho đồ;  - Góc khuất và phía sau thùng chất thải nhà vệ sinh và điểm tập kết chất thải; |
| 91 | Q13 - Khoa Hóa sinh | - Gầm góc các phòng xét nghiệm và phòng máy;  - Góc trong nhà vệ sinh, sau thùng chất thải điểm tập kết;  - Gầm bàn, tủ quầy tiếp nhận bệnh phẩm, hội trường;  - Men chân tường ban công 2 đầu;  - Gầm góc tủ, bàn phòng nhân viên. |
| 92 | Q15 - Khoa Vi sinh | - Gầm góc các phòng xét nghiệm và phòng máy, phòng hấp tiệt trùng, kho đồ của Hoàn Mỹ;  - Góc trong nhà vệ sinh, sau thùng chất thải điểm tập kết;  - Gầm bàn, tủ quầy tiếp nhận bệnh phẩm, hội trường;  - Men chân tường ban công 2 đầu;  - Gầm góc tủ, bàn phòng nhân viên |
| 93 | Q16 - TT Giải phẫu bệnh | - Phía sau các máy móc xét nghiệm trong các phòng xét nghiệm;  - Khu hành chính: gầm/góc khuất tường, bàn, ghế, tủ trong phòng nhân viên, phòng giao ban, phòng lãnh đạo;  - Góc nhà vệ sinh, sau các thùng CT;  - Ban công ngoài. |
| 94 | Q17, 18 – TT Hô hấp | - Gầm các bàn khu vực tiếp đón BN, phòng hành chính, nhân viên;  - Buồng đường ống nước;  - Sau các thùng chất thải NVS, tại điểm tập kết chất thải, sau các bồn cây cảnh, men chân tường ban công 2 đầu;  - Gầm giá kệ, tủ buồng xử lý dụng cụ, buồng máy móc/thiết bị/vật tư tiêu hao;  - Kho đồ của VS Hoàn Mỹ. |
| 95 | Tầng 19 và tầng mái nhà Q | - Men chân tường các buồng phòng, góc khuất |
| 96 | Hầm B1 - TT Điện quang | - Men chân tường các buồng phòng chụp XQ, góc khuất  - Gầm các ghế chờ ngoài hành lang  - Gầm góc tủ/bàn phòng nhân viên, phòng trả kết quả  - Sau các thùng chất thải nhà vệ sinh  - Góc khuất chân tường 2 buồng nắp bể ngầm  - Buồng đường ống nước  - Gầm cầu thang bộ, thang máy |
| 97 | Tổ oxy – thiết bị y tế | - Men chân tường các buồng phòng, góc khuất;  - Sau các thùng chất thải, cống rãnh, gốc cây. |
| 98 | Tổ xe – phòng Hành chính quản trị | Gầm bàn, ghế, giường, và dọc bồn cây bên ngoài. |
| 99 | Các bốt bảo vệ tại các cổng | Bên trong các bốt |
| 100 | Nhà xe nhân viên | - Men theo các góc khuất, bên trong gầm giường/tủ của phòng bảo vệ. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập bảng** | **Trưởng khoa KSNK** |

| **Bảng kê diện tích diệt chuột các đơn vị trong Bệnh viện** | | |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Trung tâm/ Khoa** | **Diệt tích diệt chuột (m2)** |
| **Khu vực toà nhà A1-A5** | |  |
| 1 | *Khoa Mắt* | 450 |
| 2 | *Trung tâm Dị ứng iễn dịch LS* | 1 160 |
| 3 | *Khoa Tai Mũi Họng nhà A5* | 370 |
| 4 | *Khoa Răng Hàm Mặt* | 500 |
| 5 | *Khoa Y học cổ truyền* | 760 |
| 6 | Phòng thanh toán viện phí TCKT | 90 |
| 7 | *Ngoại cảnh khu nhà A* | 1 190 |
| **Khu vực toà nhà A9** | |  |
| 8 | TT Cấp cứu A9 | 1 920 |
| 9 | Trung tâm Thận - Tiết niệu và Lọc máu nhà A9 | 1 700 |
| **Khu vực toà nhà A10** | |  |
| 10 | TT Đột quỵ | 420 |
| **Khu vực toà nhà A11** | |  |
| 11 | *Hội trường quốc tế* | 300 |
| 12 | *Trung tâm dinh dưỡng* | 280 |
| 13 | *Các phòng thuộc ban quản lý dự án* | 90 |
| 14 | Phòng Quản lý chất lượng, phòng Công tác xã hội | 150 |
| 15 | *Ngoại cảnh toà nhà 11* | 360 |
| **Khu vực toà nhà B1** | |  |
| 16 | TT Huyết học và Truyền máu nhà cũ và nhà Q | 2 070 |
| **Khu vực toà nhà B2** | |  |
| 17 | *Phòng Vật tư TTBYT* | 1 500 |
| 18 | *Kho vật tư, văn phòng phẩm (P. HCQT)* |
| 19 | *Tổ bảo vệ tầng 1 nhà Hành chính cũ* |
| 20 | *Phòng Hành chính Quản trị* |
| 21 | *Phòng Tài chính kế toán* |
| 22 | *Phòng Tổ chức cán bộ* |
| 23 | *Phòng Công đoàn* |
| 24 | *Phòng họp* |
| 25 | *Phòng Điều dưỡng* |
| 26 | Ngoại cảnh Hành chính cũ, tượng đài | 1 220 |
| **Khu vực nhà C** | |  |
| 27 | C1 - Viện Tim mạch | 12 010 |
| 28 | C2 - Viện Tim mạch |
| 29 | C3 - Viện Tim mạch |
| 30 | C4 - Viện Tim mạch |
| 31 | C5 - Viện Tim mạch |
| 32 | Tim mạch can thiệp |
| 33 | C6 - Viện Tim mạch |
| 34 | C7 - Viện Tim mạch |
| 35 | C8 - Viện Tim mạch |
| 36 | C9 - Viện Tim mạch |
| 37 | Khám theo yêu cầu tim mạch |
| 38 | Ngoại cảnh Viện Tim mạch | 1 860 |
| **Khu vực nhà D1-D6** | |  |
| 39 | Toà nhà Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai | 4 500 |
| 40 | TT Phục hồi chức năng | 2 050 |
| 41 | TT Bệnh nhiệt đới | 3 740 |
| 42 | TT Đào tạo và Chỉ đạo tuyến | 900 |
| 43 | Viện Khoa học sức khoẻ | 250 |
| 44 | Viện Giám định y khoa | 100 |
| **Khu vực toà nhà E** | |  |
| 45 | Khoa KSNK | 1 900 |
| 46 | Khu lưu giữ chất thải tập trung | 520 |
| **Khu vực nhà H** | |  |
| 47 | TT YHHN & UB nhà cũ và nhà Q | 5 320 |
| **Khu vực nhà K1** | |  |
| 48 | Khoa khám bệnh theo yêu cầu | 2 900 |
| 49 | Tầng hầm để xe máy | 2 950 |
| **Khu vực nhà K2** | |  |
| 50 | Khoa khám bệnh | 7 840 |
| **Khu vực nhà K3** | |  |
| 51 | TT Chống độc | 1 500 |
| **Khu vục nhà P** | |  |
| 52 | Canteen - Nhà ăn - Cửa hàng tiện ích | 1 050 |
| 53 | Khoa Nhi (2 đơn nguyên) | 500 |
| 54 | TT điện quang (T1 nhà P, khu vục khoa khám bệnh, tầng hầm B1 nhà Q) | 1 700 |
| 55 | Khu vực văn thư và trực lãnh đạo bệnh viện | 30 |
| 56 | Phòng họp số 1 và 2, phòng Lễ tân | 150 |
| 57 | Phòng Kiểm soát nội bộ | 60 |
| 58 | Phòng Kế hoạch tổng hợp (phòng làm việc) | 90 |
| 59 | TT Tiêu hóa - Gan Mật | 2 580 |
| 60 | TT Cơ xương khớp | 1 130 |
| 61 | Khoa Ngoại tổng hợp | 1 130 |
| 62 | Trung tâm phẫu thuật tiêu hóa | 1 130 |
| 63 | Hồi sức ngoại | 410 |
| 64 | TT Gây mê hồi sức nhà P,Q | 920 |
| 65 | Khoa Nội tiết - Đái tháo đường | 1 130 |
| 66 | Khoa Phẫu thuật lồng ngực | 1 130 |
| 67 | Ngoại cảnh và hành lang đi lại bên trong nhà P | 3 350 |
| **Khu vực toà nhà Q** | |  |
| 68 | Khoa Dược | 1 300 |
| 69 | Phòng Công nghệ thông tin | 200 |
| 70 | Q1, Q2 - Viện Tim Mạch | 600 |
| 71 | Q3 - Phụ sản | 350 |
| 72 | Q5, 6 - Hồi sức tích cực | 900 |
| 73 | Q7 - Chấn thương chỉnh hình và cột sống | 500 |
| 74 | Q8 - Phẫu thuật tạo hình và thẩm mỹ | 300 |
| 75 | Q8 - Tai mũi họng và đơn nguyên nhà A | 750 |
| 76 | Q9 - Phẫu thuật thần kinh và sọ não | 500 |
| 77 | Q12 - Khoa Da liễu | 300 |
| 78 | Q13 - Khoa Hóa sinh | 500 |
| 79 | Q15 - Khoa Vi sinh | 500 |
| 80 | Q16 - TT Giải phẫu bệnh | 300 |
| 81 | Trung tâm Hô hấp | 900 |
| **Khu vực nhà T** | |  |
| 82 | TT Thần kinh | 3 960 |
| 83 | Ngoại cành Thần kinh | 1 150 |
| 84 | Viện SKTT | 3 050 |
| 85 | Ngoại cảnh viện SKTT | 1 290 |
| **Khu vực nhà G** | |  |
| 86 | Nhà để xe nhân viên | 1 300 |
| 87 | Tổ xe, Tổ kỹ thuật | 300 |
| 88 | **Tổ cơ khí điện nước** | 350 |
| 89 | **Tổ oxy thiết bị y tế** | 350 |
| 90 | **Nhà trạm biến áp Bạch Mai** | 200 |
|  | **Tổng cộng** | **99 210** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **BẢNG KÊ DIỆN TÍCH DIỆT GIÁN ĐỨC CÁC ĐƠN VỊ TRONG BỆNH VIỆN** (Theo Phiếu yêu cầu của các đơn vị từ ngày 27/5/2024 đến ngày 4/6/2024) | | | |  |  |  | | **TT** | **Đơn vị** | **Diện tích diệt gián (m2)** | | 1 | Trung tâm Thận - Tiết niệu và Lọc máu | 2 639 | | 2 | TT Hô hấp | 1 808 | | 3 | Trung tâm Bệnh Nhiệt đới | 3 017 | | 4 | TT Giải phẫu bệnh - TBH | 810 | | 5 | Trung tâm Dị ứng-MDLS | 1 339 | | 6 | Tiệt khuẩn II - Kiểm soát nhiễm khuẩn | 210 | | 7 | C1 - Viện tim mạch | 540 | | 8 | Khoa Phẫu thuật tiết niệu | 654 | | 9 | Khoa Phụ sản | 1 274 | | 10 | Khoa Mắt | 411 | | 11 | TT Thần kinh | 3 243 | | 12 | Khoa Khám chữa bệnh theo yêu cầu (Tòa nhà K1) | 9 139 | | 13 | Viện Sức khỏe tâm thần | 2 489 | | 14 | Trung tâm tiêu hóa - Gan mật | 2 821 | | 15 | Trung tâm Đột quỵ | 655 | | 16 | Phòng Điều dưỡng trưởng BV | 58 | | 17 | Khoa Da liễu | 575 | | 18 | TT Huyết học và Truyền máu tầng 14 nhà Q | 1 018 | | 19 | TT Huyết học và Truyền máu nhà B1 | 1 449 | | 20 | Khoa Nội tiết - Đái tháo đường | 914 | |  | **Tổng cộng** | **35 063** | | | |
|  |  |  |